CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX ***GELEX INFRASTRUCTURE JOINT STOCK COMPANY*** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom – Happiness*** ---
Số/No: 01 /2026/BC-GEL	*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026* *Hanoi, January 30, 2026*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(năm 2025)
(year 2025)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX ("GEL" VÀ/HOẶC "CÔNG TY")**

Name of company: ***GELEX INFRASTRUCTURE JOINT STOCK COMPANY ("GEL" AND/OR "COMPANY")***

- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Address of headoffice: GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam

- Điện thoại/*Telephone:* 024 7306 3628 Fax: Email: gelexenergy@gmail.com

- Vốn điều *lệ: 8.900.000.000.000 VND*

Charter capital: VND 8.900.000.000.000

- Mã chứng khoán/Stock *symbol:* GEL

- Mô hình quản trị công ty/*Governance model:* Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**"), Hội đồng quản trị ("**HĐQT**"), Ban Kiểm soát ("**BKS**"), Tổng Giám đốc.

*General Meeting of Shareholders ("**GMS**"), Board of Directors ("**BOD**"), Board of Supervisors, General Director.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

The *implementation of internal audit: Implemented*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn *bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

Stt *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
01	01/2025/NQ-ĐHĐCD	25/03/2025 (Họp thường niên) *(Annual Meeting)*	- *Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025* *Approval of the report on production and business performance in 2024 and the production and business plan for 2025.* - Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và định hướng năm 2025 *Approval of the report on activities of the Board of Directors in 2024 and orientations for 2025.* - Thông qua Báo cáo của BKS *Approval of the report of the Supervisory Board.* - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 *Approval of the profit distribution plan for 2024.* - Thông qua các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 *Approval of the key targets of the production and business plan for 2025.* - Thông qua kế hoạch cổ tức năm 2025 *Approval of the dividend plan for 2025.* - Đồng ý chủ trương giao kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan

			Approval in principle of entering into contracts and transactions between the Company and related parties. - Thông qua việc bầu 1HĐQT nhiệm kỳ mới (nhiệm kỳ 2025 – 2030) *Approval of the election of the Board of Directors for the new term (term 2025–2030).* - Thông qua báo cáo về việc chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT năm 2024 và kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT năm 2025 *Approval of the report on payment of remuneration and other benefits to the Board of Directors in 2024 and the plan for payment of remuneration and other benefits to the Board of Directors in 2025.* - Thông qua báo cáo về việc chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS năm 2024 và kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác, ngân sách hoạt động của BKS năm 2025 *Approval of the report on payment of remuneration and other benefits to the Supervisory Board in 2024 and the plan for payment of remuneration, other benefits, and operating budget of the Supervisory Board in 2025.* - Thông qua danh sách ba đơn vị kiểm toán và giao/ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán này để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025 *Approval of the list of three audit firms and authorization/empowerment of the Board of Directors to select one of these audit firms to conduct the audit of the financial statements for the fiscal year 2025.* - Bầu các thành viên HĐQT vào HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030 *Election of members of the Board of Directors for the term 2025–2030.*
02	02/2025/NQ - ĐHĐCĐ	26/08/2025	- Thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh

			Approval of the change in business lines and business sectors. - Thông qua việc sửa đổi Điều lệ *Approval of the amendment to the Company's Charter.* - Thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS và bầu thành viên BKS mới vào BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 *Approval of the dismissal of a member of the Supervisory Board and the election of a new member to the Supervisory Board for the term 2023–2028.* - Bầu thành viên BKS vào BKS nhiệm kỳ 2023-2028 *Election of a member of the Supervisory Board for the term 2023–2028.*
03	02A/2025/NQ - ĐHĐCĐ	26/08/2025	- Thông qua việc điều chỉnh các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 *Approval of the adjustment of the key targets of the production and business plan for 2025.* - Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch cổ tức năm 2025 *Approval of the adjustment of the dividend plan for 2025.*
04	03/2025/NQ - ĐHĐCĐ	15/09/2025	- Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty, Niêm yết cổ phiếu và một số nội dung có liên quan *Approval of the Company's plan for initial public offering of shares, listing of shares, and certain related matters.* - Thông qua việc xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa khi trở thành công ty đại chúng *Approval of the determination of the maximum foreign ownership ratio upon becoming a public company.* - Phê duyệt/thông qua Điều lệ mới *Approval/adoption of the new Charter.*

			- Phê duyệt/thông qua Quy chế nội bộ về quản trị mới *Approval/adoption of the new Internal Regulations on Corporate Governance.*
05	04/2025/NQ - ĐHĐCĐ	07/10/2025	- Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT mới vào HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030 *Approval of the dismissal of a member of the Board of Directors and the election of an additional new member to the Board of Directors for the term 2025–2030.* - Bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT vào HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 *Election of an additional two (02) members to the Board of Directors for the term 2025–2030.* - Phê duyệt/thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT mới *Approval/adoption of the new Rules of Operation of the Board of Directors.* - Phê duyệt/thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS mới *Approval/adoption of the new Regulations on Organization and Operation of the Supervisory Board.* - Thông qua báo cáo về việc chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT tính từ tháng 01.2025 đến hết tháng 08.2025 (và dự kiến đến hết tháng 09.2025) và điều chỉnh kế hoạch chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT năm 2025 *Approval of the report on payment of remuneration and other benefits to the Board of Directors from January 2025 through August 2025 (and expected through September 2025) and adjustment of the plan for payment of remuneration and other benefits to the Board of Directors for the year 2025.* - Thông qua thù lao của Ban kiểm soát năm 2025

			Approval of the remuneration of the Supervisory Board for the year 2025. - Thông qua việc sửa đổi một số nội dung của Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty, Niêm yết cổ phiếu và một số nội dung có liên quan *Approval of the amendment of certain contents of the Company's plan for initial public offering of shares, listing of shares, and certain related matters.*

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/ *Board of Directors (annual report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *Board of Directors' members*	Chức vụ/ *Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập *The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors*	
			Ngày bổ nhiệm *Date of appointment*	Ngày miễn nhiệm *Date of dismissal*
1	Ông Lê Tuấn Anh *Mr. Le Tuan Anh*	*Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không điều hành* *Chairman of the Board of Directors (Non-executive member of the BOD))*	20/10/2021 (*) Ông Lê Tuấn Anh được bầu làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 07/10/2025 *(*) Mr. Le Tuan Anh was elected as Chairman of the Board of Directors effective from October 07, 2025.*	

2	Ông Lương Thanh Tùng *Mr. Luong Thanh Tung*	*Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc* *Vice Chairman of the Board of Directors cum General Director*	02/10/2020 (*) Ông Lương Thanh Tùng được bầu làm Phó Chủ tich HĐQT từ ngày 25/03/2025 *(*) Mr. Luong Thanh Tung was elected as Vice Chairman of the Board of Directors effective from 25/03/2025.*	
3	Ông Nguyễn Hoàng Long *Mr. Nguyen Hoang Long*	Phó chủ tịch HĐQT *(TV HĐQT không điều hành)* *Vice Chairman of the Board of Directors (Non-executive member of the BOD)*	20/10/2021 (*) Ông Nguyễn Hoàng Long được bầu làm Phó Chủ tich HĐQT từ ngày 25/03/2025 *(*) Mr. Nguyen Hoang Long was elected as Vice Chairman of the Board of Directors effective from 25/03/2025*	
4	Ông Trần Mạnh Hữu *Mr. Tran Manh Huu*	Thành viên HĐQT *(TV HĐQT không điều hành)* *Member of the Board of Directors (Non-executive member of the BOD)*	07/10/2025	
5	Bà Phan Thị Hạnh Dung *Ms. Phan Thi Hanh Dung*	Thành viên HĐQT *(Thành viên HĐQT độc lập)*	07/10/2025	

		Member of the Board of Directors (Independent member of the BOD)		
6	Ông Lê Bá Thọ *Mr. Le Ba Tho*	Chủ tịch HĐQT (*TV HĐQT không điều hành)* *Chairman of the Board of Directors (Non-executive member of the BOD)*	20/10/2021	07/10/2025
7	Ông Tôn Mạnh Dũng *Mr. Ton Manh Dung*	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc *Member of the Board of Directors cum Deputy General Director*	14/12/2023	07/10/2025

2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors*:

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *Board of Director' member*	Số buổi họp HĐQT tham dự/ *Number of meetings attended by Board of Directors*	Tỷ lệ tham dự họp/ *Attendance rate*	Lý do không tham dự họp/Reasons *for absence*
1	Ông Lê Bá Thọ *Mr. Le Ba Tho*	9/9	100%	
2	Ông Lê Tuấn Anh *Mr. Le Tuan Anh*	12/12	100%	
3	Ông Lương Thanh Tùng *Mr. Luong Thanh Tung*	12/12	100%	
4	Ông Nguyễn Hoàng Long *Mr. Nguyen Hoang Long*	12/12	100%	
5	Ông Tôn Mạnh Dũng *Mr. Ton Manh Dung*	9/9	100%	

6	Ông Trần Mạnh Hữu *Mr. Tran Manh Huu*	3/3	100%	
7	Bà Phan Thị Hạnh Dung *Ms. Phan Thi Hanh Dung*	3/3	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý trong việc: Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHDCĐ; việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của GEL; đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của GEL nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của Ban Tổng Giám Đốc.

The BOD has supervised the Executive Board and managers in the following areas: implementation of the Resolutions of the GMS; execution of the BOD's Resolutions and Decisions; management of the GEL's business activities; ensuring compliance with legal regulations and adherence to the GEL's Charter without affecting the proactivity and creativity of the Executive Board.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees* (If any): Không có/None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua (*) *Approval rate*
1.	Số 01/2025/NQ - HĐQT *No. 01/2025/NQ - HĐQT*	09/01/2025	Cho vay vốn Công ty CP Điện lực GELEX *Approval of granting a loan to GELEX Electric Power Joint Stock Company*	100%
2.	Số 02/2025/NQ - HĐQT *No. 02/2025/NQ - HĐQT*	09/01/2025	Phê duyệt kế hoạch ngân sách/chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 *Approval of the 2025 corporate management budget/expenses plan*	100%

3.	Số 03/2025/NQ - HĐQT *No. 03/2025/NQ - HĐQT*	09/01/2025	Thông qua/phê duyệt một số vấn đề liên quan đến lương tháng 13, thưởng hiệu quả công việc *Approval of matters related to the 13th-month salary and performance-based bonuses*	100%
4.	Số 04/2025/NQ - HĐQT *No. 04/2025/NQ - HĐQT*	09/01/2025	Phê duyệt danh mục các dự án nghiên cứu, phát triển năm 2025 *Approval of the list of research and development projects for 2025*	100%
5.	Số 05/2025/NQ - HĐQT *No. 05/2025/NQ - HĐQT*	09/01/2025	Phê duyệt Hợp đồng vay vốn nước ngoài thu xếp bởi The Hongkong and Shanghai Banking Corporation limited, Singapore Branch *Approval of the foreign loan agreement arranged by The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited, Singapore Branch*	100%
6.	Số 05A/2025/NQ - HĐQT *No. 05A/2025/NQ - HĐQT*	06/02/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 01/2025/ĐDV-VBXYK ngày 04/02/2025 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP ("**VGC**") *Providing opinions on Opinion Request Document No. 01/2025/ĐDV-VBXYK dated Feb 04, 2025 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC ("VGC")*	100%
7.	Số 05B/2025/NQ - HĐQT *No. 05B/2025/NQ - HĐQT*	13/02/2025	Thông qua việc Công ty đầu tư chứng khoán	100%

			Approval of the Company's securities investment	
8.	Số 05C/2025/NQ - HĐQT *No. 05C/2025/NQ - HĐQT*	18/02/2025	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2025 *Approval of the plan to organize the 2025 Annual General Meeting of Shareholders*	100%
9.	Số 06/2025/NQ - HĐQT *No. 06/2025/NQ - HĐQT*	24/02/2025	Phê duyệt thực hiện giao dịch phát sinh lãi suất với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam *Approval of interest rate derivative transactions with Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank*	100%
10.	Số 07/2025/NQ - HĐQT *No. 07/2025/NQ - HĐQT*	03/03/2025	Thông qua một số vấn đề, nội dung của các công ty có vốn của GEL *Approval of certain matters relating to companies in which GEL has capital investment*	100%
11.	Số 08/2025/NQ - HĐQT *No. 08/2025/NQ - HĐQT*	04/03/2025	Thông qua điều chỉnh phương án đầu tư chứng khoán của Công Ty *Approval of adjustments to the Company's securities investment plan*	100%
12.	Số 08-1/2025/NQ - HĐQT *No. 08-1/2025/NQ - HĐQT*	06/03/2025	Thông qua việc cho Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX vay vốn *Approval of granting a loan to GELEX Group Joint Stock Company*	100%
13.	Số 08A/2025/NQ - HĐQT	14/03/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 03/2025/ĐDV-	100%

	No. 08A/2025/NQ - HĐQT		VBXYK ngày 10/03/2025 của những Người đại diện vốn tại VGC *Providing opinions on Opinion Request Document No. 03/2025/ĐDV-VBXYK dated Mar 10, 2025 of capital representatives at VGC*	
14.	Số 08B/2025/NQ - HĐQT *No. 08B/2025/NQ - HĐQT*	15/03/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 04/2025/ĐDV-VBXYK ngày 11/03/2025 của những Người đại diện vốn tại VGC *Providing opinions on Opinion Request Document No. 04/2025/ĐDV-VBXYK dated Mar 11, 2025 of capital representatives at VGC*	100%
15.	Số 08C/2025/NQ - HĐQT *No. 08C/2025/NQ - HĐQT*	17/03/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 05/2025/ĐDV-VBXYK ngày 17/03/2025 của những Người đại diện vốn tại VGC *Providing opinions on Opinion Request Document No. 05/2025/ĐDV-VBXYK dated Mar 17, 2025 of capital representatives at VGC*	100%
16.	Số 09/2025/NQ - HĐQT *No. 09/2025/NQ - HĐQT*	18/03/2025	Thông qua phương án góp vốn thành lập công ty dự án để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Trấn Dương - Hòa Bình (khu A) - Giai đoạn I *Approval of capital contribution plan to establish a project company for the investment, construction and operation of Tran Duong – Hoa Binh*	100%

			Industrial Park Infrastructure Project (Zone A), Phase I	
17.	Số 09A/2025/NQ - HĐQT *No. 09A/2025/NQ - HĐQT*	18/03/2025	Thông qua danh sách ứng viên HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ *Approval of the list of BOD candidates and submission to the GMS*	100%
18.	Số 10/2025/NQ - HĐQT *No. 10/2025/NQ - HĐQT*	25/03/2025	Thông quy việc bầu chủ tịch HĐQT đối với ông Lê Bá Thọ; Bổ nhiệm Phó chủ tịch HĐQT; Thông qua mức thù lao cụ thể từng HĐQT năm 2025 *Approval of the election of the Chairman of the BOD (Mr. Le Ba Tho); appointment of Vice Chairmen; approval of specific remuneration for each BOD member in 2025*	100%
19.	Số 11/2025/QĐ - HĐQT *No. 11/2025/NQ - HĐQT*	25/03/2025	Quyết định bổ nhiệm Phó chủ tịch HĐQT đối với ông Lương Thanh Tùng *Decision on appointing Mr. Luong Thanh Tung as Vice Chairman of the BOD*	100%
20.	Số 12/2025/QĐ - HĐQT *No. 12/2025/NQ - HĐQT*	25/03/2025	Quyết định bổ nhiệm Phó chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Hoàng Long *Decision on appointing Mr. Nguyen Hoang Long as Vice Chairman of the BOD*	100%
21.	Số 13/2025/QĐ - HĐQT *No. 13/2025/NQ - HĐQT*	25/03/2025	Phê duyệt thù lao từng thành viên HĐQT năm 2025 *Approval of remuneration for each BOD member in 2025*	100%

22.	Số 14/2025/QĐ - HĐQT *No. 14/2025/NQ - HĐQT*	25/03/2025	Thông qua chủ trương thuê đơn vị tư vấn luật *Approval of the policy to engage legal advisory services*	100%
23.	Số 15/2025/NQ - HĐQT *No. 15/2025/NQ - HĐQT*	04/04/2025	Thông qua chấp thuận miễn nhiệm chức vụ tổ trưởng tổ thư ký đối với bà Đinh Thị Tình; chấm dứt hoạt động tổ thư ký; bổ nhiệm thư ký HĐQT mới *Approval of dismissal of the Head of the Secretariat Team; termination of the Secretariat Team; appointment of a new BOD Secretary*	100%
24.	Số 16/2025/QĐ - HĐQT *No. 16/2025/NQ - HĐQT*	04/04/2025	Miễn nhiệm tổ trưởng tổ thư ký đối với bà Đinh Thị Tình *Decision on dismissal of the Head of the Secretariat Team (Ms. Dinh Thi Tinh)*	100%
25.	Số 17/2025/QĐ - HĐQT *No. 17/2025/NQ - HĐQT*	04/04/2025	Bổ nhiệm thư ký HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Thảo *Decision on appointing Ms. Nguyen Thi Thao as BOD Secretary*	100%
26.	Số 18/2025/NQ-HĐQT *No. 18/2025/NQ - HDQT*	21/04/2025	Phê duyệt giao dịch vay vốn của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX *Approval of the Gelex Infrastructure Joint Stock Company's borrowing transaction*	100%
27.	Số 19/2025/NQ-HĐQT *No. 19/2025/NQ - HDQT*	25/04/2025	Thông qua phương án đầu tư tài chính ngắn hạn *Approval of the short-term financial investment plan*	100%

28.	Số 20/2025/NQ-HDQT *No. 20/2025/NQ - HĐQT*	12/05/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 06/2025/ĐDV-VBXYK ngày 09/05/2025 của những Người đại diện vốn tại VGC *Providing opinions on Opinion Request Document No. 06/2025/ĐDV-VBXYK dated 09/05/2025 of capital representatives at VGC*	100%
29.	Số 21/2025/NQ-HĐQT *No. 21/2025/NQ - HĐQT*	12/05/2025	Phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX *Assignment of duties to BOD members of GELEX Infrastructure Joint Stock Company*	100%
30.	Số 22/2025/NQ-HDQT *No. 22/2025/NQ - HĐQT*	12/05/2025	Thông qua chương trình hành động của HĐQT năm 2025 *Approval of the BOD Action Program for 2025*	100%
31.	Số 23/2025/NQ-HĐQT *No. 23/2025/NQ - HĐQT*	12/05/2025	Thông qua phương án điều chỉnh mức tỷ lệ và số lượng cổ phần của những Người đại diện vốn của GEL tại Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn *Approval of adjustment to the ratio and number of shares held by GEL's capital representatives at Long Son Petrochemical Industrial Park Investment JSC*	100%
32.	Số 24/2025/NQ-HDQT *No. 24/2025/NQ - HĐQT*	14/05/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 07/2025/ĐDV-VBXYK ngày 13/05/2025 của Những người đại diện vốn của Công ty tại Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100%

			Providing opinions on Opinion Request Document No. 07/2025/ĐDV-VBXYK dated May 13, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC ("VGC")	
33.	Số 25/2025/NQ - HĐQT *No. 25/2025/NQ - HĐQT*	22/05/2025	Cho ý kiến/thông qua Văn bản xin ý kiến số 08/2025/DDV-VBXYK ngày 16/05/2025 của Những người đại diện vốn của Công ty tại Tổng Công ty Viglacera - CTCP *Providing opinions/approval on Opinion Request Document No. 08/2025/ĐDV-VBXYK dated May 16, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
34.	Số 26/2025/NQ - HĐQT *No. 26/2025/NQ - HĐQT*	26/05/2025	Cho ý kiến/thông qua đối với Văn bản xin ý kiến số 06/2025/ĐDV-VBXYK ngày 23/05/2025 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (**"PXL"**) *Providing opinions/ approval on Opinion Request Document No. 06/2025/ĐDV-VBXYK dated May 23, 2025 of capital representatives at Long Son Petrochemical Industrial Park Investment JSC ("PXL")*	100%
35.	Số 26A/2025/NQ - HĐQT *No. 26A/2025/NQ - HĐQT*	26/05/2025	Quyết định thôi cử Đại diện vốn tại PXL	100%

			Decision on cessation of appointment of capital representative(s) at PXL	
36.	Số 26B/2025/NQ - HĐQT *No. 26B/2025/NQ - HĐQT*	26/05/2025	Quyết định cử Đại diện vốn tại PXL *Decision on appointment of capital representative(s) at PXL*	100%
37.	Số 27/2025/NQ - HĐQT *No. 27/2025/NQ - HĐQT*	30/05/2025	Cho ý kiến/thông qua Văn bản xin ý kiến số 09/2025/ĐDV-VBXYK ngày 29/05/2025 của Những người đại diện vốn của Công ty tại Tổng Công ty Viglacera - CTCP *Providing opinions/approval on Opinion Request Document No. 09/2025/ĐDV-VBXYK dated May 29, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
38.	Số 27A/2025/NQ - HĐQT *No. 27A/2025/NQ - HĐQT*	30/05/2025	Quyết định thôi cử Đại diện vốn tại VGC *Decision on cessation of appointment of capital representative(s) at VGC*	100%
39.	Số 27B/2025/NQ - HĐQT *No. 27B/2025/NQ - HĐQT*	30/05/2025	Quyết định cử Đại diện vốn tại VGC *Decision on appointment of capital representative(s) at VGC*	100%
40.	Số 28/2025/NQ - HĐQT *No. 28/2025/NQ - HĐQT*	05/06/2025	Thay đổi phương án liên quan đến số lượng cổ phiếu VGC cầm cố, thế chấp tại Vietinbank và một số nội dung liên quan *Amendment to the plan regarding the number of*	100%

			VGC shares pledged/mortgaged with VietinBank and other related matters	
41.	Số 29/2025/NQ - HĐQT *No. 29/2025/NQ - HĐQT*	05/06/2025	Cho ý kiến/thông qua đối với Văn bản xin ý kiến số 7/2025/ĐDV-VBXYK ngày 30/05/2025 của những Người đại diện vốn của PXL *Providing opinions/ approval on Opinion Request Document No. 7/2025/ĐDV-VBXYK dated May 30, 2025 of PXL's capital representatives*	100%
42.	Số 30/2025/NQ - HĐQT *No. 30/2025/NQ - HĐQT*	06/06/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 254/2025/ĐDV-VBXYK ngày 29/05/2025 của Những người đại diện vốn của Công ty tại CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà *Providing opinions on Opinion Request Document No. 254/2025/ĐDV-VBXYK dated May 29, 2025 of the Company's capital representatives at Song Da Clean Water Investment JSC*	100%
43.	Số 31/2025/NQ - HĐQT *No. 31/2025/NQ - HĐQT*	11/06/2025	Phê duyệt phương án góp vốn thành lập Công ty cổ phần Viglacera Phú Thọ và thay đổi chỉ tiêu kế hoạch đầu tư năm 2025 *Approval of the capital contribution plan to establish Viglacera Phu Tho Joint Stock Company and adjustment of the 2025 investment plan targets*	100%
44.	Số 31A/2025/QĐ - HĐQT	11/06/2025	Thông qua góp vốn thành lập Công ty cổ phần	100%

	No. 31A/2025/NQ - HĐQT		Viglacera Phú Thọ (**"VGC Phú Thọ"**) *Approval of capital contribution to establish Viglacera Phu Tho Joint Stock Company (**"VGC Phu Tho"**)*	
45.	Số 32/2025/NQ - HĐQT *No. 32/2025/NQ - HĐQT*	11/06/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 257/2025/ĐDV-VBXYK ngày 30/05/2025 của Những người đại diện vốn của Công ty tại CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà *Providing opinions on Opinion Request Document No. 257/2025/ĐDV-VBXYK dated May 30, 2025 of the Company's capital representatives at Song Da Clean Water Investment JSC*	100%
46.	Số 33/2025/NQ - HĐQT *No. 33/2025/NQ - HĐQT*	11/06/2025	Thông qua giao dịch cho Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX vay vốn *Approval of the transaction to grant a loan to GELEX Group Joint Stock Company*	100%
47.	Số 34/2025/QĐ - HDQT *No. 34/2025/NQ - HDQT*	25/06/2025	Thông qua phương án nhân sự và Đại diện vốn tại VGC Phú Thọ *Approval of the personnel plan and appointment of capital representative(s) at VGC Phu Tho*	100%
48.	Số 35/2025/NQ - HĐQT *No. 35/2025/NQ - HĐQT*	25/06/2025	Thông qua phương án nhân sự và Đại diện vốn tại VGC Phú Thọ *Approval of the personnel plan and appointment of*	100%

			capital representative(s) at VGC Phu Tho	
49.	Số 36/2025/NQ - HĐQT *No. 36/2025/NQ - HĐQT*	30/06/2025	Phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập BCTC năm 2025 *Approval of the independent auditor for the 2025 financial statements*	100%
50.	Số 37/2025/NQ - HĐQT *No. 37/2025/NQ - HĐQT*	04/07/2025	Thông qua điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐQT ngày 28/06/2024 *Approval of adjustments to certain contents of BOD Resolution No. 10/2024/NQ-BOD dated June 28, 2024*	100%
51.	Số 38/2025/NQ - HĐQT *No. 38/2025/NQ - HĐQT*	04/07/2025	Phê duyệt sửa đổi Quy chế Đại diện vốn của GEL *Approval of amendments to GEL's Regulations on Capital Representation*	100%
52.	Số 39/2025/NQ - HĐQT *No. 39/2025/NQ - HĐQT*	10/07/2025	Thông qua phương án đầu tư của Công Ty *Approval of the Company's investment plan*	100%
53.	Số 39A/2025/NQ - HĐQT *No. 39A/2025/NQ - HĐQT*	10/07/2025	Phê duyệt phương án nhân sự Phó TGĐ tại VGC *Approval of the personnel plan for a Deputy General Director at VGC*	100%
54.	Số 39B/2025/NQ - HĐQT *No. 39B/2025/NQ - HĐQT*	11/07/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 01/NĐD-Gelex Infra ngày 09/07/2025 và số 02/NĐD-Gelex Infra ngày 09/07/2025 của Những người đại diện vốn của	100%

			Công ty tại Tổng Công ty Viglacera - CTCP *Providing opinions on Opinion Request Documents No. 01/NĐD-Gelex Infra dated Jul 09, 2025 and No. 02/NĐD-Gelex Infra dated Jul 09, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	
55.	Số 40/2025/NQ - HĐQT *No. 40/2025/NQ - HĐQT*	14/07/2025	Phê duyệt việc cầm cố 5 triệu Cổ phiếu VGC thuộc sở hữu của Công Ty tại Ngân hàng Cathay United Bank – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh *Approval of pledging 5 million VGC shares owned by the Company at Cathay United Bank – Ho Chi Minh City Branch*	100%
56.	Số 41/2025/NQ - HĐQT *No. 41/2025/NQ - HĐQT*	14/07/2025	Phê duyệt việc cầm cố 33 triệu Cổ phiếu VGC thuộc sở hữu của Công Ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB) *Approval of pledging 33 million VGC shares owned by the Company at Vietnam International Bank (VIB)*	100%
57.	Số 42/2025/NQ - HĐQT *No. 42/2025/NQ - HĐQT*	21/07/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 03/2025/ĐDV-VBXYK ngày 10/07/2025 và số 04/2025/ĐDV-VBXYK ngày 14/07/2025 của Những người đại diện vốn của Công ty tại Tổng Công ty Viglacera - CTCP *Providing opinions on Opinion Request Documents No.*	100%

			03/2025/ĐDV-VBXYK dated Jul 10, 2025 and No. 04/2025/ĐDV-VBXYK dated Jul 14, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC	
58.	Số 42-01/2025/NQ-HĐQT *No. 42-01/2025/NQ - HĐQT*	29/07/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 01/2025/DDV-VBXYK ngày 25/07/2025 và 02/2025/ĐDV-VBXYK ngày 25/07/2025 của Những người đại diện vốn của Công ty tại CTCP Titan HP *Providing opinions on Opinion Request Documents No. 01/2025/DDV-VBXYK dated Jul 25, 2025 and No. 02/2025/DDV-VBXYK dated Jul 25, 2025 of the Company's capital representatives at Titan HP JSC*	100%
59.	Số 42A/2025/NQ - HĐQT *No. 42A/2025/NQ - HĐQT*	05/08/2025	Thông qua việc bổ sung, thay đổi chỉ tiêu đầu tư tại Công ty cổ phần nước sạch Tây Hà Nội *Approval of supplementation/adjustment of investment targets at Tay Ha Noi Clean Water Joint Stock Company*	100%
60.	Số 43/2025/NQ - HĐQT *No. 43/2025/NQ - HĐQT*	05/08/2025	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ GEL *Approval of amendments and supplementation to GEL's internal expenditure regulations*	100%
61.	Số 44/2025/NQ - HĐQT *No. 44/2025/NQ - HĐQT*	06/08/2025	Thông qua phương án đầu tư, triệu tập ĐHDCĐ bất thường năm 2025 để thông	100%

			qua phương án chào bán cổ phần/cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty *Approval of the investment plan and convening of the 2025 Extraordinary GMS to approve the Company's plan for initial public offering of shares/stocks to the public*	
62.	Số 44A/2025/QĐ - HĐQT *No. 44A/2025/NQ - HĐQT*	06/08/2025	Phê duyệt việc GEL nhận chuyển nhượng 49% vốn điều lệ Công ty TNHH Titan Corporation từ Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX *Approval of GEL's receipt/transfer of 49% of the charter capital of Titan Corporation LLC from GELEX Group Joint Stock Company*	100%
63.	Số 44B/2025/NQ - HĐQT *No. 44B/2025/NQ - HĐQT*	06/08/2025	Phê duyệt ngân sách các hoạt động phục vụ việc thực hiện phương án chào bán cổ phần/cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu GEL *Approval of the budget for activities in connection with implementing the plan for initial public offering and listing of GEL shares*	100%
64.	Số 45/2025/NQ - HĐQT *No. 45/2025/NQ - HĐQT*	11/08/2025	Thông qua thay đổi nhân sự Thư ký HĐQT *Approval of changes to the BOD Secretary personnel*	100%
65.	Số 46/2025/NQ - HĐQT *No. 46/2025/NQ - HĐQT*	12/08/2025	Thông qua phương án thành lập Công ty TNHH FIH *Approval of the plan to establish FIH Company Limited*	100%

66.	Số 47/2025/NQ - HĐQT *No. 47/2025/NQ - HĐQT*	15/08/2025	Thông qua phương án đầu tư dự án Khu dân cư tại tỉnh Đồng Nai *Approval of the investment plan for a residential area project in Dong Nai Province*	100%
67.	Số 48/2025/NQ - HĐQT *No. 48/2025/NQ - HĐQT*	15/08/2025	Phê duyệt việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên *Approval of receipt of transfer of shares in Viglacera Thai Nguyen Joint Stock Company*	100%
68.	Số 49/2025/NQ - HĐQT *No. 49/2025/NQ - HĐQT*	15/08/2025	Thông qua cử đại diện vốn tại Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên *Approval of appointment of capital representative(s) at Viglacera Thai Nguyen Joint Stock Company*	100%
69.	Số 50/2025/NQ - HĐQT *No. 50/2025/NQ - HĐQT*	19/08/2025	Phê duyệt hợp đồng dịch vụ kiểm toán Báo cáo vốn điều lệ đã góp *Approval of the audit service contract for the report on contributed charter capital*	100%
70.	Số 50A/2025/NQ - HĐQT *No. 50A/2025/NQ - HĐQT*	19/08/2025	Thông qua Báo cáo danh sách ứng viên ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 *Approval of the report on the list of candidates for the Supervisory Board for the term 2023–2028*	100%
71.	Số 51/2025/NQ - HĐQT *No. 51/2025/NQ - HĐQT*	20/08/2025	Phê duyệt Hợp đồng tư vấn chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	100%

			Approval of the consultancy contract for the initial public offering of shares	
72.	Số 52/2025/NQ - HĐQT *No. 52/2025/NQ - HĐQT*	21/08/2025	Phê duyệt việc Công ty TNHH FIH (Vietnam) góp vốn thành lập Công ty thuộc sở hữu 100% vốn điều lệ *Approval of capital contribution by FIH (Vietnam) Company Limited to establish a company wholly owned (100% charter capital)*	100%
73.	Số 52A/2025/NQ - HĐQT *No. 52A/2025/NQ - HĐQT*	22/08/2025	Thông qua phương án đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang *Approval of the investment plan in Kim Trang Materials Import–Export Company Limited*	100%
74.	Số 52B/2025/NQ - HĐQT *No. 52B/2025/NQ - HĐQT*	22/08/2025	Thông qua phương án Công ty TNHH G&F Residence nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Kim Trang *Approval of the plan for G&F Residence Company Limited to receive the transfer of capital contribution in Kim Trang Company*	100%
75.	Số 52C/2025/NQ - HĐQT *No. 52C/2025/NQ - HĐQT*	25/08/2025	Thông qua phương án vay vốn Công ty cổ phần Điện lực GELEX (GEE) và Tập đoàn GELEX *Approval of the plan to borrow funds from GELEX Electric Power Joint Stock Company (GEE) and GELEX Group*	100%

76.	Số 53/2025/NQ - HĐQT *No. 53/2025/NQ - HĐQT*	27/08/2025	Thông qua việc giải thể Công ty cổ phần Hạ Tầng GELEX Tây Ninh *Approval of the dissolution of GELEX Tay Ninh Infrastructure Joint Stock Company*	100%
77.	Số 54/2025/NQ - HĐQT *No. 54/2025/NQ - HĐQT*	28/08/2025	Phê duyệt bổ sung danh mục các dự án đầu tư/nghiên cứu phát triển của GEL năm 2025 *Approval of supplementation to the list of GEL's investment/research and development projects for 2025*	100%
78.	Số 55/2025/NQ - HĐQT *No. 55/2025/NQ - HĐQT*	28/08/2025	Phê duyệt việc triển khai một số công việc trong giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư dự án điện gió Vĩnh Hải 1 (400MW) và Vĩnh Hải 2 (270MW) *Approval of implementation of certain works during the stage of approval of investment policy and selection of investors for Vinh Hai 1 (400 MW) and Vinh Hai 2 (270 MW) wind power projects*	100%
79.	Số 56/2025/NQ - HĐQT *No. 56/2025/NQ - HĐQT*	29/08/2025	Thông qua thay đổi nhân sự Ban Kiểm toán nội bộ *Approval of changes to the Internal Audit Department personnel*	100%
80.	Số 57/2025/NQ - HĐQT *No. 57/2025/NQ - HĐQT*	04/09/2025	Phê duyệt phương án điều chỉnh liên quan đến 25 triệu cổ phiếu VGC đang cầm cố, thế chấp tại BIDV	100%

			Approval of the adjustment plan related to 25 million VGC shares currently pledged/mortgaged at BIDV	
81.	Số 58/2025/NQ - HĐQT *No. 58/2025/NQ - HĐQT*	08/09/2025	Thông qua giá chào bán và giá khởi điểm đấu giá cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng *Approval of the offering price and the starting auction price of shares offered in the initial public offering*	100%
82.	Số 59/2025/NQ - HĐQT *No. 59/2025/NQ - HĐQT*	08/09/2025	Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 lần 2 và phê duyệt tài liệu phục vụ cuộc họp *Approval of the plan to organize the 2nd Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2025 and approval of meeting documents*	100%
83.	Số 59A/2025/NQ - HĐQT *No. 59A/2025/NQ - HĐQT*	08/09/2025	Phê duyệt sửa đổi sơ đồ tổ chức GEL *Approval of amendments to GEL's organizational chart*	100%
84.	Số 60/2025/NQ - HĐQT *No. 60/2025/NQ - HĐQT*	08/09/2025	Cho ý kiến phương án hủy đại chúng của Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà *Providing opinions on the plan for delisting from public company status of Song Da Clean Water Investment Joint Stock Company*	100%
85.	Số 60A/2025/NQ - HĐQT *No. 60A/2025/NQ - HĐQT*	12/09/2025	Thông qua cử Đại diện vốn tại Công ty TNHH Titan Corporation	100%

			Approval of appointment of capital representative(s) at Titan Corporation Company Limited	
86.	Số 61/2025/NQ - HĐQT *No. 61/2025/NQ - HĐQT*	15/09/2025	Thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng *Approval of implementation of the plan for the initial public offering of shares*	100%
87.	Số 62/2025/NQ - HĐQT *No. 62/2025/NQ - HĐQT*	15/09/2025	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng *Approval of the dossier for registration of the initial public offering of shares*	100%
88.	Số 63/2025/NQ - HĐQT *No. 63/2025/NQ - HĐQT*	22/09/2025	Thông qua đầu tư chứng khoán kinh doanh *Approval of trading securities investment*	100%
89.	Số 63-01/2025/QĐ - HĐQT *No. 63-01/2025/NQ - HĐQT*	22/09/2025	Phê duyệt mở tài khoản/tiểu khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán tại Công ty cổ phần Chứng khoán VIX *Approval of opening margin trading account/sub-account at VIX Securities Joint Stock Company*	100%
90.	Số 63A/2025/NQ - HĐQT *No. 63A/2025/NQ - HĐQT*	23/09/2025	Thông qua kế hoạch ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 lần 3 và phê duyệt tài liệu phục vụ Đại hội *Approval of the plan for the 3rd Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2025 and approval of meeting documents*	100%

91.	Số 64/2025/NQ - HĐQT *No. 64/2025/NQ - HĐQT*	25/09/2025	Phê duyệt vay vốn Cathay United Bank - CN TP HCM *Approval of borrowing from Cathay United Bank – Ho Chi Minh City Branch*	100%
92.	Số 64A/2025/NQ-HĐQT *No. 64A/2025/NQ - HĐQT*	25/09/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 03/2025/ĐDV-VBXYK ngày 20/09/2025 của Những người đại diện vốn tại CTCP Titan Hải Phòng *Providing opinions on Opinion Request Document No. 03/2025/ĐDV-VBXYK dated Sep 20, 2025 of capital representatives at Titan Hai Phong Joint Stock Company*	100%
93.	Số 65/2025/NQ - HĐQT *No. 65/2025/NQ - HĐQT*	26/09/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 10/2025/ĐDV-VBXYK ngày 22/09/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP *Providing opinions on Opinion Request Document No. 10/2025/ĐDV-VBXYK dated Sep 22, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
94.	Số 66/2025/NQ -HĐQT *No. 66/2025/NQ - HĐQT*	30/09/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 11/2025/DDV-VBXYK ngày 26/09/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP *Providing opinions on Opinion Request Document No. 11/2025/DDV-VBXYK dated Sep 26, 2025 of the Company's capital*	100%

			representatives at Viglacera Corporation – JSC	
95.	Số 67/2025/NQ -HĐQT *No. 67/2025/NQ - HĐQT*	30/09/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 12/2025/ĐDV-VBXYK ngày 26/09/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP. *Providing opinions on Opinion Request Document No. 12/2025/ĐDV-VBXYK dated Sep 26, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
96.	Số 68/2025/NQ - HĐQT *No. 68/2025/NQ - HĐQT*	01/10/2025	Thông qua báo cáo danh sách ứng viên để ĐHĐCD bầu TV HĐQT tại cuộc họp ngày 07/10/2025 *Approval of the report on the list of candidates for the GMS to elect members of the Board of Directors at the meeting on October 7, 2025*	100%
97.	Số 70/2025/NQ - HĐQT *No. 70/2025/NQ - HĐQT*	07/10/2025	Phê duyệt phương án Công ty TNHH FIH (Vietnam) thành lập Công ty TNHH FPMS (Vietnam) *Approval of the plan for FIH (Vietnam) Company Limited to establish FPMS (Vietnam) Company Limited*	100%
98.	Số 71/2025/NQ - HĐQT *No. 71/2025/NQ - HĐQT*	07/10/2025	Phương án nhân sự Phó Tổng Giám đốc tại VGC *Approval of the personnel plan for a Deputy General Director at VGC*	100%
99.	Số 72/2025/NQ - HĐQT *No. 72/2025/NQ - HĐQT*	07/10/2025	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCD bất thường năm 2025 lần 3	100%

			Approval of amendments and supplements to documents for the 3rd Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2025	
100.	Số 73/2025/NQ - HĐQT *No. 73/2025/NQ - HĐQT*	07/10/2025	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 *Election of the Chairman of the Board of Directors for the term 2025 -2030*	100%
101.	Số 74/2025/NQ - HĐQT *No. 74/2025/NQ - HĐQT*	09/10/2025	Chấp thuận đơn từ nhiệm Phó TGĐ GEL *Acceptance of the resignation letter of the Deputy General Director of GEL*	100%
102.	Số 74A/2025/NQ-HĐQT *No. 74A/2025/NQ - HĐQT*	14/10/2025	Tất toán khoản đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thinh Vượng ("VPB") *Settlement of the investment in shares of Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank ("VPB")*	100%
103.	Số 75/2025/NQ - HĐQT *No. 75/2025/NQ - HĐQT*	15/10/2025	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại NQ HĐQT số 61/2025/NQ-HĐQT ngày 15/09/2025 về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán *Approval of amendments and supplements to certain contents of BOD Resolution No. 61/2025/NQ-BOD dated September 15, 2025 regarding implementation of the initial public offering*	100%

			plan and the plan for use of proceeds	
104.	Số 76/2025/NQ - HĐQT *No. 76/2025/NQ - HĐQT*	15/10/2025	Thông qua hồ sơ nộp IPO *Approval of the IPO filing dossier*	100%
105.	Số 77/2025/NQ-HĐQT *No. 77/2025/NQ - HĐQT*	20/10/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 13/2025/ĐDV-VBXYK ngày 15/10/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP *Providing opinions on Opinion Request Document No. 13/2025/ĐDV-VBXYK dated October 15, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
106.	Số 78/2025/NQ-HĐQT *No. 78/2025/NQ - HĐQT*	28/10/2025	Phê duyệt việc tiếp nhận và bổ nhiệm Trưởng Ban QLĐTXD *Approval of receipt and appointment of the Head of the Construction Investment Project Management Department*	100%
107.	Số 79/2025/NQ-HĐQT *No. 79/2025/NQ - HĐQT*	29/10/2025	Phê duyệt phương án vay vốn Techcombank *Approval of the borrowing plan from Techcombank*	100%
108.	Số 79A/2025/NQ-HĐQT *No. 79A/2025/NQ - HĐQT*	30/10/2025	Thông qua thù lao cho TV HĐQT *Approval of remuneration for members of the Board of Directors*	100%
109.	Số 80/2025/NQ-HĐQT *No. 80/2025/NQ - HĐQT*	05/11/2025	Thông qua việc cử Đại diện vốn tại Công ty cổ phần Titan Hải Phòng	100%

			Approval of appointment of capital representative(s) at Titan Hai Phong Joint Stock Company	
110.	Số 81/2025/QĐ-HĐQT *No. 81/2025/NQ - HĐQT*	05/11/2025	Quyết định cử Đại diện vốn tại Titan Hải Phòng *Decision on appointment of capital representative(s) at Titan Hai Phong Joint Stock Company*	100%
111.	Số 81A/2025/NQ-HĐQT *No. 81A/2025/NQ - HĐQT*	05/11/2025	Thông qua chủ trương huy động vốn trung - dài hạn nước ngoài để phục vụ KH Sản xuất kinh doanh *Approval of the policy to mobilize medium- and long-term foreign capital to serve the production and business plan*	100%
112.	Số 82/2025/NQ-HĐQT *No. 82/2025/NQ - HĐQT*	10/11/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 14/2025/ĐDV-VBXYK ngày 07/11/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP *Providing opinions on Opinion Request Document No. 14/2025/ĐDV-VBXYK dated November 7, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
113.	Số 83/2025/NQ-HĐQT *No. 83/2025/NQ - HĐQT*	10/11/2025	Cho ý kiến đối với phương án tăng vốn đầu tư vào VGC Thái Nguyên và chủ trương rà soát hiệu quả các dự án của VGC *Providing opinions on the plan to increase investment capital in Viglacera Thai Nguyen and the policy to*	100%

			review the effectiveness of VGC's projects	
114.	Số 83A/2025/NQ-HĐQT *No. 83A/2025/NQ - HĐQT*	10/11/2025	Thông qua việc cử Đại diện vốn của GEL tại Công ty Kim Trang *Approval of appointment of GEL's capital representative(s) at Kim Trang Company*	100%
115.	Số 84/2025/NQ-HĐQT *No. 84/2025/NQ - HĐQT*	24/11/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 15/2025/ĐDV-VBXYK ngày 18/11/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP *Providing opinions on Opinion Request Document No. 15/2025/ĐDV-VBXYK dated November 18, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
116.	Số 85/2025/NQ-HĐQT *No. 85/2025/NQ - HĐQT*	24/11/2025	Cho ý kiến đối với nội dung đề xuất/xin ý kiến của những Người đại diện vốn tại CTCP Titan Hải Phòng liên quan đến Kế hoạch thực hiện các công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu/công việc đến thời điểm khởi công Dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Trấn Dương – Hòa Bình (Khu A) – Giai đoạn 1 tại huyện Vĩnh Bảo (nay là xã Nguyễn Bỉnh Khiêm), thành phố Hải Phòng *Providing opinions on the proposed contents/opinion requests of the capital representatives at Titan Hai Phong Joint Stock Company*	100%

			regarding the plan for implementation of works not subject to contractor selection procedures and the contractor selection plan for packages/works up to the commencement of the investment, construction and operation of infrastructure project of Tran Duong – Hoa Binh Industrial Park (Zone A) – Phase I in Vinh Bao District (now Nguyen Binh Khiem Commune), Hai Phong City	
117.	Số 86/2025/NQ-HĐQT *No. 86/2025/NQ - HĐQT*	24/11/2025	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung hệ thống phân quyền *Approval of amendments and supplements to the delegation of authority system*	100%
118.	Số 87/2025/NQ-HĐQT *No. 87/2025/NQ - HĐQT*	24/11/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 03/2025/ĐDV-VBXYK ngày 06/11/2025 của những Người đại diện vốn tại CTCP Nước sạch Tây Hà Nội *Providing opinions on Opinion Request Document No. 03/2025/ĐDV-VBXYK dated November 6, 2025 of capital representatives at Tay Ha Noi Clean Water Joint Stock Company*	100%
119.	Số 88/2025/NQ-HĐQT *No. 88/2025/NQ - HĐQT*	26/11/2025	Thông qua triển khai bán đấu giá công khai cổ phiếu và dự thảo Quy chế đấu giá *Approval of implementation of the public auction of shares and the draft auction regulations*	100%
120.	Số 89/2025/NQ-HĐQT	28/11/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 07/2025/ĐDV-	100%

	No. 89/2025/NQ - IHĐQT		VBXYK ngày 20/11/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại CTCP Titan Hải Phòng *Providing opinions on Opinion Request Document No. 07/2025/ĐDV-VBXYK dated November 20, 2025 of the Company's capital representatives at Titan Hai Phong JSC*	
121.	Số 90/2025/NQ-HĐQT *No. 90/2025/NQ - HĐQT*	01/12/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 04/2025/ĐDV-VBXYK ngày 10/11/2025 của những Người đại diện vốn tại CTCP Nước sạch Tây Hà Nội *Providing opinions on Opinion Request Document No. 04/2025/ĐDV-VBXYK dated November 10, 2025 of capital representatives at Tay Ha Noi Clean Water Joint Stock Company*	100%
122.	Số 91/2025/NQ-HĐQT *No. 91/2025/NQ - HDQT*	01/12/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 09/2025/ĐDV-VBXYK ngày 27/11/2025 của những Người đại diện vốn tại CTCP Titan Hải Phòng *Providing opinions on Opinion Request Document No. 09/2025/ĐDV-VBXYK dated November 27, 2025 of capital representatives at Titan Hai Phong JSC*	100%
123.	Số 92/2025/NQ-HĐQT *No. 92/2025/NQ - IHĐQT*	02/12/2025	Thông qua ban hành Quy chế đấu giá chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX được thực hiện tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100%

			Approval of issuance of the regulations on auction of shares offered in the initial public offering of GELEX Infrastructure Joint Stock Company to be conducted at Ho Chi Minh City Stock Exchange	
124.	Số 93/2025/NQ-HĐQT *No. 93/2025/NQ - HĐQT*	05/12/2025	Phê duyệt phương án đề cử nhân sự của Công ty TNHH G&F Residence tại Công ty Kim Trang *Approval of the personnel nomination plan of G&F Residence Company Limited at Kim Trang Company*	100%
125.	Số 94/2025/NQ-HĐQT *No. 94/2025/NQ - HĐQT*	08/12/2025	Thông qua việc sửa đổi quy chế đại diện vốn của GEL *Approval of amendments to GEL's Regulations on Capital Representation*	100%
126.	Số 95/2025/NQ-HDQT *No. 95/2025/NQ - HĐQT*	08/12/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 11/2025/ĐDV-VBXYK ngày 18/11/2025 và Văn bản xin ý kiến số 12/2025/ĐDV-VBXYK ngày 04/12/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại CCTCP KCN Dầu khí Long Sơn *Providing opinions on Opinion Request Documents No. 11/2025/ĐDV-VBXYK dated November 18, 2025 and No. 12/2025/DDV-VBXYK dated December 4, 2025 of the Company's capital representatives at Long Son Petrochemical Industrial Park JSC*	100%

127.	Số 96/2025/NQ-HĐQT *No. 96/2025/NQ - HĐQT*	11/12/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 16/2025/ĐDV-VBXYK ngày 03/12/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP *Providing opinions on Opinion Request Document No. 16/2025/ĐDV-VBXYK dated December 3, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
128.	Số 97/2025/NQ-HDQT *No. 97/2025/NQ - HDQT*	18/12/2025	Thông qua việc bổ nhiệm Phó TGD mới *Approval of appointment of a new Deputy General Director*	100%
129.	Số 98/2025/NQ-HĐQT *No. 98/2025/NQ - HDQT*	24/12/2025	Thông qua việc sửa đổi Quy chế Kiểm toán nội bộ *Approval of amendments to the Internal Audit Regulations*	100%
130.	Số 99/2025/NQ-HĐQT *No. 99/2025/NQ - HDQT*	24/12/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 17/2025/ĐDV-VBXYK ngày 18/12/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP *Providing opinions on Opinion Request Document No. 17/2025/ĐDV-VBXYK dated December 18, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
131.	Số 100/2025/NQ-HDQT *No. 100/2025/NQ-HDQT*	24/12/2025	Thông qua phương án tăng vốn VGC Thái Nguyên: GEL và VGC tăng vốn góp vào VGC Thái Nguyên để bổ sung nguồn vốn triển	100%

			khai dự án KCN Tây Phổ Yên *Approval of the capital increase plan for Viglacera Thai Nguyen: GEL and VGC to increase capital contribution to Viglacera Thai Nguyen to supplement funding for implementation of the Tay Pho Yen Industrial Park project*	
132.	Số 101/2025/NQ-HĐQT *No. 101/2025/NQ-HĐQT*	25/12/2025	Thông qua phương án vay vốn Cathay United Bank *Approval of the borrowing plan from Cathay United Bank*	100%
133.	Số 102/2025/NQ-HĐQT *No. 102/2025/NQ-HĐQT*	29/12/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 19/2025/ĐDV-VBXYK ngày 23/12/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP *Providing opinions on Opinion Request Document No. 19/2025/ĐDV-VBXYK dated December 23, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC*	100%
134.	Số 102A/2025/NQ-HĐQT No. *102A*/2025/NQ-HĐQT	30/12/2025	Thông qua việc vay vốn Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX *Approval of borrowing from GELEX Group Joint Stock Company*	100%
135.	Số 103/2025/NQ-HĐQT No. *103*/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 18/2025/ĐDV-VBXYK ngày 22/12/2025 của những Người đại diện vốn của Công Ty tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP	100%

			Providing opinions on Opinion Request Document No. 18/2025/ĐDV-VBXYK dated December 22, 2025 of the Company's capital representatives at Viglacera Corporation – JSC	

(*) Tỷ lệ thông qua là tỷ lệ các phiếu có quyền biểu quyết thông qua. Đối với nghị quyết thông qua các giao dịch với người có liên quan, phiếu của Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết và không ảnh hưởng đến tỷ lệ thông qua của các nghị quyết này.

(*) The approval rate represents the percentage of voting shares in favor. For resolutions approving transactions with related parties, the votes of Board of Directors' members having related interests are not entitled to vote and shall not be included in, nor affect, the approval rate of such resolutions.

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm)/ *Board of Supervisors (annual report)*:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Board of Supervisors:*

Stt *No.*	Thành viên BKS *Members of Supervisory Board*	Chức vụ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ *The date becoming/ceasing to be the member of the Supervisory Board*	Trình độ chuyên môn *Qualification*
1	Bà Lê Việt Hà *Ms. Le Viet Ha*	Trưởng ban kiểm soát *Head of the Supervisory Board*	Ngày bắt đầu 14/12/2023 *Date of commencement: 14/12/2023*	Thạc sỹ quản trị kinh doanh *Master of Business Administration*
2	Ông Lê Anh Đức *Mr. Le Anh Duc*	Thành viên BKS *Member of the Supervisory Board*	Ngày bắt đầu 14/12/2023 *Date of commencement: 14/12/2023*	Thạc sỹ quản lý tài chính và kế toán *Master of Financial Management and Accounting*
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu 26/08/2025 *Date of commencement: 26/08/2023*	Thạc sĩ quản trị kinh doanh

	Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen	*Member of the Supervisory Board*		*Master of Business Administration*
4	Bà Nguyễn Ngọc Huyền *Ms Nguyen Ngoc Huyen*	Thành viên BKS *Member of the Supervisory Board*	Ngày bắt đầu 14/12/2023 *Date of commencement:* 14/12/2023 Không còn là TV BKS: 26/08/2025 *Date of cessation:* 26/08/2025	*Cử nhân quản trị kinh doanh* *Bachelor of Business Administration*

2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors

Stt *No.*	Thành viên BKS/ *Members of Board of Superviors*	Số buổi họp tham dự *Number of meetings attended*	Tỷ lệ tham dự họp *Attendance rate*	Tỷ lệ biểu quyết *Voting rate*	Lý do không tham dự họp *Reasons for absence*
1	Bà Lê Việt Hà *Ms. Le Viet Ha*	3/3	100%	100%	
2	Ông Lê Anh Đức *Mr. Le Anh Duc*	3/3	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Ngọc Huyền *Ms. Nguyen Ngoc Huyen*	2/2	100%	100%	Thôi là TV BKS từ ngày 26/8/2025 *Ceased to be a Member of the Supervisory Board effective from August 26, 2025*
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền	1/1	100%	100%	Bắt đầu là TV BKS từ ngày 26/8/2025

	Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen				*Appointed as a Member of the Supervisory Board effective from August 26, 2025.*

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

3.1. Tình hình hoạt động của HĐQT/*Activities of the BOD*:

Hội đồng quản trị của Công ty hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT; đã lãnh đạo, chỉ đạo và thường xuyên phối hợp với Ban Giám đốc điều hành trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

The BOD has operated in accordance with the functions and duties prescribed in the Law on Enterprises, the Company's Charter, and the BOD's Operating Regulation; providing leadership, direction, and regular coordination with the Executive Board in the management of the Company's business activities.

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức đúng/đủ các cuộc họp định kỳ, có cả cuộc họp bất thường, luôn bám sát và thường xuyên chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành thực hiện đúng Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

The BOD has organized periodic and extraordinary meetings in full compliance, closely monitoring and directing the Executive Board to properly execute the Resolutions/Decisions of the BOD and the GMS; performing functions and duties as stipulated in the Law on Enterprises and the Company's Charter.

Thường xuyên kiểm điểm, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm để chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

Regularly reviewing, summarizing, and evaluating the implementation of tasks in accordance with GMS Resolutions/Decisions; setting key directions and tasks to direct the Executive Board in implementation.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng quy định, đúng chức năng, quyền hạn, tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các quy định hiện hành của pháp luật.

Resolutions/Decisions of the BOD were issued in accordance with regulations, functions, and authority, complying with the Law on Enterprises, the Company's Charter, as well as current legal regulations.

3.2. Công tác điều hành của Ban Giám đốc điều hành/*Management activities of the Board of Management*:

Ban Giám đốc điều hành đã tổ chức triển khai/thực hiện công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng chức năng và quyền hạn theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tuân thủ nội dung các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

The Executive Board has organized the implementation/execution of the Company's business activities in accordance with the functions and authority as stipulated in the Law on Enterprises and the Company's Charter, adhering to the Resolutions/Decisions of the BOD.

Về công tác quản lý và điều hành: Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD được phân công, phân cấp cụ thể. Ban Giám đốc điều hành thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của bộ máy giúp việc trong công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp.

Regarding management and administration: The direction, administration, and execution of business tasks were assigned and decentralized with specificity. The Executive Board regularly inspected, supervised, and evaluated the performance of the assisting apparatus in corporate management and governance

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the *coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành của Công ty làm việc theo quy chế hoạt động của mỗi tổ chức, hoạt động độc lập nhưng thường xuyên có sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ, vì mục tiêu đưa Công ty ngày càng phát triển, hoạt động kinh doanh hiệu quả.

The Supervisory Board, the BOD, and the Executive Board of the Company operate in accordance with the respective operating regulations of each body, functioning independently while maintaining regular and close coordination and mutual support during the execution of their duties, with the objective of fostering the Company's sustainable development and ensuring efficient business operations.

Khi cần thiết, theo yêu cầu nhiệm vụ trong hoạt động SXKD, Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị định kỳ/bất thường. Các ý kiến tham gia, thảo luận của Trưởng Ban kiểm soát tại cuộc họp đều được đưa ra trao đổi dân chủ và thông qua tại cuộc họp theo đúng quy định hiện hành.

When necessary, based on the requirements of business activities, the Head of the Supervisory Board is invited to attend periodic/extraordinary meetings of the BOD. All opinions and discussions contributed by the Head of the Supervisory Board at these meetings are discussed democratically and approved in accordance with current regulations.

Ban Giám đốc điều hành luôn tạo điều kiện, chỉ đạo các phòng/ban chuyên môn, nghiệp vụ phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng từ có liên quan phục vụ cho công tác kiểm

tra, kiểm soát và thực thi nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

The Executive Board consistently creates favorable conditions and directs specialized departments to coordinate and provide full information, documents, and relevant vouchers to serve the inspection, control, and duty execution of the Supervisory Board as prescribed by the Company's Charter and the current Law on Enterprises.

Sau khi có kết quả làm việc của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát đã thông tin kịp thời kết quả hoạt động và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty theo quy định. Đồng thời cũng tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Upon the conclusion of the Supervisory Board's activities, the Supervisory Board promptly communicated the operational results and necessary recommendations to the BOD and the Company's Executive Board in accordance with regulations. Simultaneously, the Supervisory Board also consulted the BOD regarding the issues addressed in the report before submitting it to the GMS.

5. Hoạt động khác của BKS(nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors (if any):*
Không/None

IV. Ban điều hành/ *Board of Management*

STT *No.*	**Thành viên Ban điều hành/*Members of Board of Management***	**Ngày tháng năm sinh** *Date of birth*	**Trình độ chuyên môn** *Qualification*	**Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/** *Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /*
1	Ông Lương Thanh Tùng *Mr. Luong Thanh Tung*	22/07/1978	Kỹ sư Kinh tế xây dựng *Construction Economics Engineer*	Ngày bổ nhiệm 13/01/2023 *Date of appointment: 13/01/2023*
2	Ông Tôn Mạnh Dũng *Mr. Ton Manh Dung*	05/01/1977	Thạc sĩ kỹ thuật *Master of Engineering*	Ngày bổ nhiệm 01/12/2021 *Date of appointment: 01/12/2021*

3	Ông Lê Văn Thăng *Mr. Le Van Thang*	17/12/1980	Kỹ sư điện – Tự động hóa *Electrical Engineering-Automation Engineer*	Ngày bổ nhiệm 01/12/2021 *Date of appointment: 01/12/2021*
4	Ông Nguyễn Quang Việt *Mr. Nguyen Quang Viet*	10/10/1974	Kỹ sư kiến trúc *Architecture Engineer*	Ngày bổ nhiệm 01/09/2022 *Date of appointment: 01/09/2022*
5	Ông Nguyễn Đức Luyện *Mr. Nguyen Duc Luyen*	22/11/1976	Thạc sĩ quản trị kinh doanh *Master of Business Administration*	Ngày bổ nhiệm 01/11/2020 *Date of appointment: 01/11/2020* Ngày miễn nhiệm 09/10/2025 *Date of dismissal: 09/10/2025*
6	Ông Bùi Lê Cao Kế *Mr. Bui Cao Ke*	07/07/1979	Kỹ sư kinh tế xây dựng *Construction Economics Engineer*	Ngày bổ nhiệm 01/11/2020 *Date of appointment: 01/11/2020* Ngày miễn nhiệm 09/10/2025 *Date of dismissal: 09/10/2025*
7	Ông Đào Văn Duy *Mr. Dao Van Duy*	20/09/1978	Thạc sĩ kỹ thuật *Master of Engineering*	Ngày bổ nhiệm 01/01/2026 *Date of appointment: 01/01/2026*
8	Bùi Đăng Khoa *Mr. Bui Dang Khoa*	26/12/1984	Cử nhân Kinh tế quốc tế	Ngày bổ nhiệm 18/04/2022 *Date of appointment: 18/04/2022*

			Bachelor of International Economics	
9	Nguyễn Thị Hoàng Ngân *Nguyen Thi Hoang Ngan*	14/08/1987	Thạc sĩ quản trị kinh doanh *Master of Business Administration*	Ngày bổ nhiệm 02/08/2021 *Date of appointment: 02/08/2021*

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên ***Name***	**Ngày tháng năm sinh** ***Date of birth***	**Trình độ chuyên môn nghiệp vụ** ***Qualification***	**Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm** ***Date of appointment/ dismissal***
Nguyễn Thị Hoàng Ngân *Nguyen Thi Hoang Ngan*	14/08/1987	Thạc sĩ quản trị kinh doanh *Master of Business Administration*	Ngày bổ nhiệm 02/08/2021 *Date of appointment: 02/08/2021*

VI. Đào tạo về quản trị công *ty/Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, General Director, other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

- Tháng 01/2025: Khóa học " Phân tích dữ liệu"
  January 2025: "Data Analysis" training course
- Tháng 02/2025: Khóa học "Cập nhật kiến thức thuế"
  February 2025: "Tax Knowledge Update" training course
- Tháng 05/2025: Khóa học " ứng dụng AI trong công việc"
  May 2025: "Application of AI in the Workplace" training course
- Tháng 06/2025: Khóa học "Culture Tour – Trải nghiệm thực tế văn hoá doanh nghiệp"
  June 2025: "Culture Tour – Practical Experience of Corporate Culture" training course
- Tháng 08/2025: Khóa học " Nhà Lãnh đạo tài năng 2025"
  August 2025: "Talented Leader 2025" training course

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

Cụ thể theo Phụ lục 1 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 1 of this Report.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ ***Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.***

Cụ thể theo Phụ lục 2 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 2 of this Report.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm ***soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.***

Cụ thể theo Phụ lục 3 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 3 of this Report.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/* ***Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).***

Cụ thể theo Phụ lục 4 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 4 of this Report.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ ***Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).***

Không có/ *None*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Supervisory Board, Director (General Director) and other managers.*

Không có/ *None*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/Share ***transactions of internal persons and their affiliated persons (Annual report)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội ***bộ/The list of internal persons and their affiliated persons*** **công** ***ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company***

Cụ thể theo Phụ lục 5 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 5 of this Report*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Cụ thể theo Phụ lục 6 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 6 of this Report*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Không/None

Nơi nhận:
Recipients:
- Như kính gửi;
As stated above;
- Lưu HCNS
Archived at the Human Resources and Administration Department.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)

M.S.D.N: 0107652657-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LÊ TUẤN ANH
LE TUAN ANH

PHỤ LỤC 1.
APPENDIX 1
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
1.	Lê Tuấn Anh Le Tuan Anh		Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD					20/10/2021 (*) Ông Lê Tuấn Anh được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 07/10/2025 (*) Mr. Le Tuan Anh was appointed Chairman of the BOD on 07/10/2025			Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
2.	Lương Thanh Tùng Luong Thanh Tung		Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Vice Chairman of the BOD /					02/10/2020 (*) Ông Lương Thanh Tùng được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch HĐQT ngày 25/03/2025			Người nội bộ của công ty/ Internal person of the Company

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
			General Director					(*) Mr. Luong Thanh Tung was appointed Vice Chairman of the BOD on 25/03/2025			
3.	Nguyễn Hoàng Long Nguyen Hoang Long		Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairman of the BOD					20/10/2021 (*) Ông Nguyễn Hoàng Long được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch HĐQT ngày 25/03/2025 (*) Mr. Nguyen Hoang Long was appointed Vice Chairman of the BOD on 25/03/2025			Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
4.	Trần Mạnh Hữu Tran Manh Huu		Thành viên HĐQT Member of the BOD					07/10/2025		Bổ nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/10/2025	Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
										Appointed under Resolution of the GMS No. 04/2025/NQ-ĐHĐCD dated 07/10/2025	
5.	Phan Thị Hạnh Dung Phan Thi Hanh Dung		Thành viên độc lập HĐQT Independ-ent Member of the BOD					07/10/2025		Bổ nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ 04/2025/NQ-ĐHĐCD ngày 07/10/2025 Appointed under Resolution of the GMS No. 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated 07/10/2025	Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
6.	Lê Bá Thọ Le Ba Tho		Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD					20/10/2021	07/10/2025		Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
7.	Tôn Mạnh Dũng Ton Manh Dung		TV HĐQT kiêm Phó TGĐ Member of the BOD cum Deputy General Director					01/12/2021 (*) Ông Tôn Mạnh Dũng miễn nhiệm TV HĐQT từ ngày 07/10/2025 (*) Mr. Ton Manh Dung was dismissed from his position as BOD member effective from 07/10/2025			Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
8.	Lê Văn Thăng Le Van Thang		Phó Tổng GĐ Deputy General Director					01/12/2021			Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
9.	Nguyễn Quang Việt Nguyen Quang Viet		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director					01/09/2022			Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
10.	Đào Văn Duy Dao Van Duy		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director					01/01/2026		Bổ nhiệm theo nghị quyết số 97/2025/NQ-HĐQT ngày 18/12/2025 Appointed under Resolution No. 97/2025/NQ-HĐQT dated 18/12/2025	Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
11.	Bùi Lê Cao Kế Bui Le Cao Ke		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director					01/11/2020	09/10/2025	Nghị quyết chấp thuận đơn từ nhiệm Phó Tổng Giám đốc số 74/2025/NQ-HĐQT ngày 09/10/2025 Resolution approving resignation from the position of Deputy General Director No. 74/2025/NQ-	Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
										HĐQT dated 09/10/2025	
12.	Nguyễn Đức Luyện Nguyen Duc Luyen		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director					01/11/2020	09/10/2025	Nghị quyết chấp thuận đơn từ nhiệm Phó Tổng Giám đốc số 74/2025/NQ-HĐQT ngày 09/10/2025 Resolution approving resignation from the position of Deputy General Director No. 74/2025/NQ-HĐQT dated 09/10/2025	Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
13.	Lê Việt Hà Le Viet Ha		Trưởng Ban kiểm soát Head of the Supervisory Board					14/12/2023			Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
14.	Lê Anh Đức Le Anh Duc		Thành viên ban kiểm soát Member of the Superviso -ry Board					14/12/2023			Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
15.	Nguyễn Thị Ngọc Huyền Nguyen Thi Ngoc Huyen		Thành viên ban kiểm soát Member of the Superviso -ry Board					26/8/2025		Bổ nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/08/2025 Appointed under Resolution of the GMS No. 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated 26/08/2025	Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
16.	Nguyễn Ngọc Huyền Nguyen Ngoc Huyen		Thành viên BKS Member of the					14/12/2023	26/8/2025	Miễn nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/08/2025	Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
			Supervisory Board							Dismissed under Resolution of the GMS No. 02/2025/NQ-ĐHĐCD dated 26/08/2025	
17.	Nguyễn Thị Hoàng Ngân Nguyen Thi Hoang Ngan		Kế toán trưởng Chief Accountant					02/08/2021			Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
18.	Bùi Đăng Khoa Bui Dang Khoa		Giám đốc tài chính, người được Uỷ quyền công bố thông tin Chief Financial Officer; Authorized Information Disclo-					18/04/2022 (*) Ông Bùi Đăng Khoa được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 15/09/2025 (*) Mr. Bui Dang Khoa was authorized to disclose information from 15/09/2025			Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
			sure Officer								
19.	Lưu Tiến Mạnh Luu Tien Manh		Người phụ trách quản trị Công ty Person in charge of Corporate Gover-nance					15/01/2026		Nghị quyết bổ nhiệm số 07/2026/NQ-HĐQT ngày 15/01/2026 Appointed under Resolution No. 07/2026/NQ-HĐQT dated 15/01/2026	Người nội bộ của công ty/ *Internal person of the Company*
20.	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX/ GELEX group., JSC **("GELEX")**	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068		0100100512	01/08/2025	Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi				Công ty mẹ/ Parent company

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
		008C008998 007C110668 006C333688 002C178630 116C512512									
21.	Công ty Cổ phần FI/ *GELEX Electricity JSC.*	003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133 036C668888		0107547109	22/05/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi*				Công ty cùng tập đoàn / Affilate
22.	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ *Song Da Water Investment JSC.*	021C228915		5400310164	14/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ *Phu Tho Provincial Department of Finance*	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ *Vat Lai Hamlet, Thinh Minh Commune, Phu*				Công ty con trực tiếp/ *Direct subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
							Tho Province, Vietnam				
23.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh/ *GELEX Tay Ninh Infrastructure JSC.*			3901285684	25/05/2020	Sở KH&ĐT Tỉnh Tây Ninh/ *Department of Planning and Investment of Tay Ninh Province*	Số 2/2 Đ/S 4 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, P. Ninh Sơn, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam/ *No. 2/2, Street 4, Tran Phu Street, Ninh Trung, Ninh Son Ward, Tay Ninh City, Tay Ninh Province, Vietnam*		30/12/2025	Giải thể / Dissolution	Không còn là công ty con gián tiếp do đã hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế và giải thể/ *No longer a direct subsidiary because the company has completed procedures for closing its tax code and dissolution*
24.	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn *Long Son Petroleum Industrial Zone*			3500811001	24/03/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ *3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai*				Công ty con trực tiếp/ *Direct subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Investment JSC.						*bStreet, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City*				
25.	Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng/ *Titan Hai Phong JSC.*			0202280462	29/03/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ *Hai Phong City Department of Finance*	Số 01 Lô 3A - Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng/ *No. 01, Lot 3A – Cat Bi Airport Five-way Intersection New Urban Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City*	29/03/2025			Công ty con trực tiếp/ Direct *subsidiary*
26.	Công ty TNHH FIH (Vietnam)/ *FIH (Vietnam) Co., Ltd.*			0319116584	20/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ *No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*	20/08/2025			Công ty con trực tiếp/ Direct *subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
27.	Công ty TNHH G&F Residence/ *G&F Residence Co., Ltd.*			0319127272	25/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ *70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*	25/08/2025			Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
28.	Công ty TNHH FPMS (Vietnam)/ *FPMS (Vietnam) Co., Ltd.*			0319217952	15/10/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ *No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*	15/10/2025			Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
29.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang/ *Kim Trang Materials Import-Export JSC.*			0202260360	25/08/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ *Hai Phong City Department of Finance*	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hải An, TP. Hải Phòng/ *No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City*	25/08/2025			Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
30.	Tổng công ty Viglacera – CTCP ("VGC") / *Viglacera Corporation – JSC.*	058C386969		0100108173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ *16th & 17th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*				Công ty con trực tiếp/ *Direct subsidiary*
31.	Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu/ *Dap Cau Glass JSC.*			2300100471	13/05/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Bắc Ninh/ *Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province*	Khu Cổ Mễ, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ *Co Me Area, Vu Ninh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
32.	Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera/ *Viglacera Glass Erection*			2300893252	28/11/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Bắc Ninh/ *Department of Planning and Investment of*	Khu Cổ Mễ, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ *Co Me Area, Vu Ninh Ward, Bac*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	One Member Co., Ltd.					*Bac Ninh Province*	*Ninh Province, Vietnam*				
33.	Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải/ *Viglacera Van Hai JSC.*			5700101154	20/02/2025	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ *Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province*	Thôn Sơn Hào, Đặc khu Vân Đồn, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ *Son Hao Hamlet, Van Don Special Administrative Zone, Quang Ninh Province, Vietnam*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
34.	Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera/ *Viglacera Mineral JSC.*			5200284005	17/04/2022	Sở KH&ĐT Tỉnh Yên Bái/ *Department of Planning and Investment of Yen Bai Province*	Tổ dân phố Văn Quỳ, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai/ *Van Quy Residential Group, Van Phu Ward, Lao Cai Province*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
35.	Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera/ *Viglacera Viet Tri JSC.*			2600310134	10/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ *Phu Tho Provincial*	Phố Hồng Hà, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ/ *Hong Ha Street, Thanh*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
						Department of Finance	*Mieu Ward, Phu Tho Province*				
36.	Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì/ *Viglacera Thanh Tri Sanitary Ware JSC.*			0100107557	17/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Đường Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội/ *Nguyen Khoai Street, Vinh Hung Ward, Hanoi*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
37.	Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera/ *Viglacera Trading JSC.*			0102640785	09/01/2025	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ *Department of Planning and Investment of Hanoi City*	Tầng 1, Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *1st Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
38.	Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long/			2500224026	24/11/2025	Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ/ *Phu Tho*	Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ/ *Phuc Yen*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Viglacera Thang Long JSC.					*Provincial Department of Finance*	*Ward, Phu Tho Province*				
39.	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn/ *Viglacera Tien Son JSC.*			2300317851	18/12/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ *Bac Ninh Provincial Department of Finance*	Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh/ *Tien Son Industrial Park, Dai Dong Commune, Bac Ninh Province*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
40.	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội/ *Viglacera Hanoi JSC.*			0100774247	19/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 15 Toà nhà Viglacera, số 1, đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội/ *15th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
41.	Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera/			2300533002	08/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ *Bac Ninh*	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Yên				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Viglacera Aeration Concrete JSC.					*Provincial Department of Finance*	Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ *Yen Phong Industrial Park, Yen Phong Commune, Bac Ninh Province, Vietnam*				
42.	Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera/ *Viglacera Ceramic Tiles Trading JSC.*			0105908818	26/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 2 tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *2nd Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
43.	Công ty Cổ phần Bao bì và má phanh Viglacera/ *Viglacera Packaging &*			0100106948	06/04/2022	Sở KH&DT TP. Hà Nội/ *Department of Planning and Investment of Hanoi City*	Số 676 Hoàng Hoa Thám, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *No. 676 Hoang Hoa Tham*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Brake Linings JSC.						*Street, Tay Ho Ward, Hanoi, Vietnam*				
44.	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long/ *Viglacera Ha Long JSC.*			5700101147	13/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ninh/ *Quang Ninh Provincial Department of Finance*	Khu phố Hà Khẩu 2, đường An Tiêm, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh/ *Ha Khau 2 Residential Quarter, An Tiem Street, Viet Hung Ward, Quang Ninh Province*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
45.	Công ty Cổ phần Từ Liêm/ *Tu Liem JSC.*			0101405475	13/05/2021	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ *Department of Planning and Investment of Hanoi City*	Số 489, Km8, QL 21B, Xã Bình Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *No. 489, Km8, National Highway 21B, Binh Minh Commune, Hanoi, Vietnam*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
46.	Công ty Cổ phần 382 Đông Anh/ *382 Dong Anh JSC.*			0101412313	28/04/2021	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ *Department of Planning and Investment of Hanoi City*	Tổ 35, Xã Đông Anh, TP Hà Nội/ *Group 35, Dong Anh Commnue, Hanoi*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
47.	Công ty Cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng/ *Huu Hung Ceramic Construction JSC.*			0100107243	28/12/2024	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ *Department of Planning and Investment of Hanoi City*	Đường Chùa Tổng, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội/ *Chua Tong Street, An Khanh Commune, Hanoi*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
48.	Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hạ Long/ *Viglacera Ha Long Trading One Member Co., Ltd.*			5701704733	28/04/2014	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ *Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province*	Khu 2 đường An Tiêm, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh/ *Zone 2, An Tiem Street, Viet Hung Ward, Quang Ninh Province*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
49.	Công ty Cổ phần Gạch Clinker Viglacera/ *Viglacera Brick Clinker JSC.*			5701409576	25/06/2010	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ *Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province*	Cụm Công nghiệp Kim Sen, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh/ *Kim Sen Industrial Cluster, Mao Khe Ward, Quang Ninh Province*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
50.	Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera/ *Viglacera Consulting JSC.*			0100106722	22/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 57, phố Vĩnh Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội/ *No. 57, Vinh Phuc Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
51.	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ/ *Viglacera Yen My Industrial Park Development*			0900995414	10/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ Hung *Yen Provincial Department of Finance*	ĐH CN4 Khu công nghiệp Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ *ĐH CN4, Yen My Industrial Park, Yen My*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	JSC. – Hung Yen						*Commune, Hung Yen Province*				
52.	Công ty TNHH CHAO – Viglacera/ *CHAO – Viglacera Co., Ltd.*			0107833205	08/05/2017	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ *Department of Planning and Investment of Hanoi City*	Tầng 8, tòa nhà Viglacera, số 1 Đại Lộ Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội/ 8th *Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi*		28/02/2025	Không còn là Công ty con gián tiếp do đã sáp nhập vào Tổng Công ty Viglacera-CTCP/ *No longer an indirect subsidiary due to its merger into Viglacera Corporation – JSC.*	Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
53.	Công ty ViMariel – CTCP/ *ViMariel Company – JSC.*			201800507	18/03/2020	Bộ KH&ĐT/ *Ministry of Planning and Investment*	Khu A10 Đặc Khu phát triển Mariel, Cuba/ *Zone A10, Mariel Special Development Zone, Cuba*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
54.	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng			3502329629	25/07/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi*	Lô B2, đường D3 Khu Công nghiệp Phú Mỹ				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Phú Mỹ/ *Phu My Ultra Clear Float Glass Co., Ltd.*					*Minh City Department of Finance*	II mở rộng, Phường Tân Phước, TP. Hồ Chí Minh/ *Lot B2, D3 Street, Phu My II Expanded Industrial Park, Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh City*				
55.	Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc/ *Viglacera Can Loc JSC.*			282031000019	06/10/2010	BQL Khu kinh tế Vũng Áng/ *Vung Ang Economic Zone Management Board*	Lô CN15, khu CN Hạ Vàng, Huyện Can Lộc, Hà Tĩnh/ *Lot CN15, Ha Vang Industrial Park, Can Loc District, Ha Tinh Province*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary* Đang làm thủ tục đóng Công ty sau tái cơ cấu/ *Currently carrying out procedures for company dissolution following restructuring*
56.	Công ty TNHH Thi công Hạ tầng			0901076445	08/04/2023	Sở KH&ĐT Tỉnh Hưng Yên/ *Department of*	ĐH-CN4 KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Viglacera Yên Mỹ/ *Viglacera Yen My Infrastructure Construction Co., Ltd.*					*Planning and Investment of Hung Yen Province*	Hưng Yên/ *ĐH CN4, Yen My Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province*				
57.	Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên/ *Viglacera Thai Nguyen JSC.*			4601598818	25/12/2025	Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên/ *Thai Nguyen Provincial Department of Finance*	Nhà điều hành Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên/ *Song Cong II Industrial Park Phase 2 Operations Building, Ba Xuyen Ward, Thai, Thai Nguyen Province*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
58.	Công ty Cổ phần Viglacera Hưng Yên/ *Viglacera Hung Yen JSC*			0901129785	17/11/2025	Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ *Hung Yen Provincial*	ĐH KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên/ *Yen My Industrial, Yen My Commune,*	10/06/2025		Trở thành công ty con gián tiếp do Tổng Công ty Viglacera-CTCP hoàn tất góp vốn vào	Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
						Department of Finance	*Hung Yen Province*			CTCP Viglacera Hưng Yên/ *Became an indirect subsidiary as Viglacera Corporation – JSC. completed its capital contribution to Viglacera Hung Yen JSC.*	
59.	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam/ *Vietnam Float Glass Co., Ltd.*			2300103345	19/06/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ *Bac Ninh Provincial Department of Finance*	Khu công nghiệp Quế Võ (Khu mở rộng), Phường Phương Liễu, Tỉnh Bắc Ninh/ *Que Vo Industrial Park (Expansion Area), Phuong Lieu Ward, Bac Ninh Province*	05/06/2025		Trở thành công ty con gián tiếp do Tổng Công ty Viglacera - CTCP mua thêm phần vốn góp nâng tỷ lệ sở hữu lên 100%/ *Became an indirect subsidiary as Viglacera Corporation – JSC. acquired additional capital contribution to*	Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
										increase the ownership ratio to 100%	
60.	Công ty cổ phần Đầu tư Vihoce Tiên Dương/ *Vihoce Tien Duong Investment JSC.*			0111154703	26/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 14, tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, Hà Nội/ *14th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*	26/07/2025		VGC góp 55% vốn thành lập	Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
61.	Công ty cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu Viglacera/ *Viglacera Investment and Import–Export JSC.*			0101893367	24/09/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 2 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội/ *No. 2 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi City*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
62.	Công ty cổ phần Viglacera Phú Thọ/			2601132364	24/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ *Phu Tho*	Trung tâm điều hành KCN Phú Hà, phường Phú				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Viglacera Phu Tho JSC.					*Provincial Department of Finance*	Thọ, tỉnh Phú Thọ/ *Phu Ha Industrial Park Operations Center, Phu Tho Ward, Phu Tho Province*				
63.	Công ty TNHH MTV Thiết bị vệ sinh Viglacera/ *Viglacera Sanitary Ware One Member Co., Ltd.*			0111244883	08/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 1, Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *1st Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam*				Công ty con gián tiếp/ *Indirect subsidiary*
64.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ *GELEX Investment Co., Ltd.*			0111128855	16/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ *8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai*	16/07/2025			Cùng tập đoàn/ Affliate

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
							Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam				
65.	Công ty TNHH Titan Corporation Titan Corporation Ltd.			317503404	20/12/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội/ *, by Hanoi Department for Planning and Investment*	Phòng 7-01 (A), Tầng 7, Tòa Nhà Văn Phòng Trung Tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ *Room 7-01 (A), 7th Floor, Hanoi Central Office Building, 44B Ly Thuong Kiet, Cua Nam Ward, Hanoi City*			Công ty nhận chuyển nhượng 49% sở hữu từ GELEX	Công ty liên kết. Người có liên quan của TV HĐQT Assouciate, related party of Members of Board of Directors
66.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Hưng Yên) ("Titan Hưng Yên")/ *Titan Industrial (Hung Yen) Corporation*			0901129979	17/01/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên *Hung Yen Department for Planning and Investment*	Lô CN1, KCN Yên Mỹ, Xã Tân Lập, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ *Lot CN1, Yen My Industrial Park, Tan Lap Commune, Yen My District,*				Bên liên quan của TV HĐQT / Related party of Members of Board of Directors

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Ltd. ("Titan Hung Yen")						*Hung Yen Province*				
67.	Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Quảng Ninh)/ *Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd)*			5702131443	30/09/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh/ *Quang Ninh Department for Planning and Investment*	Lô CN1, KCN Đông Mai, P. Đông Mai, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ *Lot CN-01, Dong Mai Industrial Park, Dong Mai Ward, Quang Yen Town, Quang Ninh Province, Vietnam*				Bên liên quan của TV HĐQT / Related party of Members of Board of Directors
68.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1 ("Titan Bắc Ninh 1")/ *Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co.,*			2301226759	04/07/2023	Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh *Bac Ninh Department for Planning and Investment*	Lô đất CN4-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong II-C, xã Đông Tiến và Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh/ Plot CN4-2, Yen Phong II-C Industrial Park, Dong Tien				Bên liên quan của TV HĐQT / Related party of Members of Board of Directors

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individuat*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Ltd. ("Titan Bac Ninh 1")						Commune and Tam Giang Commune, Yen Phong District, Bac Ninh Province				
69.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh)/ *Titan Corporation Industrial 2 (Bac Ninh) Co., Ltd.*			2301232248	26/09/2024	Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh *Bac Ninh Department for Planning and Investment*	Lô đất CN1-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong (khu mở rộng), Xã Yên Trung và Xã Dũng Liệt, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh/ *Lot CN1-2, Yen Phong Industrial Park (expansion area), Yen Trung Commune and Dung Liet Commune, Yen Phong District, Bac Ninh Province*				Bên liên quan của TV HĐQT / Related party of Members of Board of Directors

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
70.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh)/ *Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.*			2301312486	11/12/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh *Bac Ninh Department for Planning and Investment*	Lô đất CN4-1, Khu Công Nghiệp Thuận Thành I, Phường Trạm Lộ và, Phường Ninh Xá, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh/ *Lot CN4-1, Thuan Thanh I Industrial Park, Tram Lo and Ward, Ninh Xa Ward, Thuan Thanh Town, Bac Ninh Province*				Bên liên quan của TV HĐQT / Related party of Members of Board of Directors
71.	Công ty cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội Tay Ha Noi Clean Water Joint Stock Company			0106913627	08/10/2025	Phòng ĐKKD và TCDN – Sở Tài chính thành phố Hà Nội usiness Registration and Corporate Finance Division – Hanoi	Thôn Trại Chiêu, Xã Sơn Đồng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				Công ty liên kết Assouciate

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*
				Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
						Department of Finance					

PHỤ LỤC 2.

APPENDIX 2.

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS, OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX ("GELEX") GELEX group., JSC ("GELEX")	Công ty mẹ *Parent company*	010010 0512	01/08/2025	Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 05/2025/NQ - HĐQT ngày 09/01/2025 *Resolution No. 05/2025/NQ - HĐQT dated 09/01/2025* Nghị quyết Số 08-1/2025/NQ - HĐQT ngày 03/06/2025 *Resolution No. 08-1/2025/NQ - HĐQT dated 03/06/2025*	Mua hàng hóa và dịch vụ *Purchase of goods and services* 2.259.368.396 Cho vay *Loan granted* 1.670.000.000.000 Thu hồi khoản vay *Loan repayments received* 3.519.723.582.700 Lãi cho vay *Interest income on loans* 84.554.103.127	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*		Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*						
								Nghị quyết Số 28/2025/NQ - HĐQT ngày 05/06/2025 *Resolution No. 28/2025/NQ - HĐQT dated 05/06/2025* Nghị quyết Số 33/2025/NQ - HĐQT ngày 06/11/2025 *Resolution No. 33/2025/NQ - HĐQT dated 06/11/2025* Nghị quyết Số 37/2025/NQ - HĐQT ngày 07/04/2025 *Resolution No. 37/2025/NQ - HĐQT dated 07/04/2025* Nghị quyết Số 40/2025/NQ - HĐQT ngày 14/07/2025 *Resolution No. 40/2025/NQ - HĐQT dated 14/07/2025*	Đi vay *Borrowings* Trả tiền vay *Loan repayments made* Lãi đi vay *Interest expense on borrowings* Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư *Investment transfer proceeds* Cầm cố/thế chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ *GELEX Infrastructure pledged/mortgaged shares to secure*	2.160.000.000.000 670.000.000.000 12.035.205.480 924.160.000.000 Số dư tại 31/12/2025/ *Balance as of 31/12/2025:* 120.500.000 VGC	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*		Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*						
								Nghị quyết Số 41/2025/NQ - HĐQT ngày 14/07/2025 *Resolution No. 41/2025/NQ - HĐQT dated 14/07/2025* Nghị quyết Số 44/2025/NQ - HĐQT ngày 06/08/2025 *Resolution No. 44/2025/NQ - HĐQT dated 06/08/2025* Nghị quyết Số 52C/2025/NQ - HĐQT ngày 25/8/2025 *Resolution No. 52C/2025/NQ - HĐQT dated 25/8/2025* Nghị quyết Số 57/2025/NQ - HĐQT ngày 04/09/2025 *Resolution No. 57/2025/NQ - HĐQT dated 04/09/2025*	*GELEX's obligations* GELEX thế chấp bất động sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ *GELEX mortgages real estate to secure GELEX Infrastructure's obligations* GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Hạ tầng GELEX/ *GELEX guarantees GELEX Infrastructure's loans* GELEX cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của GELEX cho nghĩa vụ của Hạ	Tòa nhà GELEX Tower 52 Lê Đại Hành/ *GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh* Số dư tại 31/12/2025/ *Balance as of 31/12/2025*: 3.819.819.800.000 Số dư tại 30/12/2025/ *Balance as of 31/12/2025:*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*		Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*						
								Nghị quyết Số 64/2025/NQ - HĐQT ngày 25/9/2025 *Resolution No. 64/2025/NQ - HĐQT dated 25/9/2025* Nghị quyết Số 79/2025/NQ-HĐQT ngày 29/10/2025 *Resolution No. 79/2025/NQ-HĐQT dated 29/10/2025* Nghị quyết số 27B/2024/NQ-HĐQT ngày 16/12/2024 *Resolution No. 27B/2024/NQ-HĐQT dated 16/12/2024*	tặng GELEX/ *GELEX pledges its owned shares to secure obligations of GELEX Infrastructure*	28.620.000 cổ phần Hạ tầng GELEX/ *28.620.000 shares of GELEX Infrastructure* 45.000.000 cổ phần GELEX Electric bảo đảm chung cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX và GELEX Electric/ *45.000.000 shares of GELEX Electric serve as a joint security for the obligations of both GELEX Infrastructure and GELEX Electric* 45.500.000 cổ phần GELEX Electric bảo đảm cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ *45,500,000 shares of GELEX Electric serve as a joint*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*		Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*						
									security for the obligations of GELEX Infrastructure		
									GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của Hạ tầng GELEX/ *GELEX guarantees obligations under GELEX Infrastructure's share purchase agreements*	Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa Hạ tầng và Bên nhận chuyển nhượng cổ phần/ *Guarantee of financial obligations under the share purchase agreement between GELEX Infrastructure and the transferee party*	
2.	Công ty cổ phần Điện lực GELEX *GELEX Electricity JSC*	Cùng tập đoàn/ *Affiliate*	0107547109	22/05/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 01/2025/NQ - HĐQT ngày 09/01/2025 *Resolution No. 01/2025/NQ - HĐQT dated 09/01/2025*	Cho vay *Loan granted*	200.000.000.000	
									Thu hồi khoản vay *Loan repayments received*	200.000.000.000	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
								Nghị quyết Số 52C/2025/NQ - HĐQT ngày 25/8/2025 *Resolution No. 52C/2025/NQ - HĐQT dated 25/8/2025*	Lãi cho vay 4.589.178.082 *Interest income on loans* Đi vay 700.000.000.000 *Borrowings* Lãi đi vay 13.426.027.398 *Interest expense on borrowings* GELEX bảo đảm và GELEX cùng GELEX Hạ tầng cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của mình cho khoản vay dài hạn của GEE/ *GELEX guarantees and GELEX and GELEX Infrastructure pledge their shares for GEE's long-term loan* Số dư nghĩa vụ tại/ Obligation balance as at 31/12/2025: 1.067.269.600.000 VND Number of pledged shares as at 31/12/2025 45.000.000 GEE & 30.000.000 VGC	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
3.	Công ty TNHH FIH (Vietnam) *FIH (Vietnam) Co., Ltd*	Công ty con / *Subsidiary*	031911 6584	20/08/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ *No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 46/2025/NQ - HĐQT ngày 12/08/2025 *Resolution No. 46/2025/NQ - HĐQT dated 12/08/2025*	Góp vốn 2.200.000.000.000 *Capital contribution*	
4.	Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên *Viglacera Thai Nguyen JSC*	Công ty con gián tiếp / *Indirect Subsidiary*	460159 8818	25/12/2025	Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên/ *Thai Nguyen Provincial Department of Finance*	Nhà điều hành Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên/ *Song Cong II Industrial Park Phase 2 Operations Building, Ba Xuyen Ward, Thai, Thai Nguyen Province*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 100/2025/NQ-HĐQT ngày 24/12/2025 *Resolution No. 100/2025/NQ-HĐQT dated 24/12/2025*	Góp vốn 81.000.000.000 *Capital contribution*	
5.	Công ty cổ phần Viglacera Phú Thọ *Viglacera Phu Tho JSC*	Công ty con gián tiếp / *Indirect Subsidiary*	260113 2364	24/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ *Phu Tho Provincial Department of Finance*	Trung tâm điều hành KCN Phú Hà, phường Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ/ *Phu Ha Industrial Park Operations Center, Phu Tho Ward, Phu Tho Province*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 31/2025/NQ - HĐQT ngày 06/11/2025 *Resolution No. 31/2025/NQ - HĐQT dated 06/11/2025*	Góp vốn 158.250.000.000 *Capital contribution*	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
								Quyết định Số 31A/2025/QĐ - HĐQT ngày 06/11/2025 *Resolution No. 31A/2025/QĐ - HĐQT dated 06/11/2025*		
6.	Tổng Công ty Viglacera – CTCP *Viglacera Corporation – JSC.*	Công ty con / *Subsidiary*	010010 8173	07/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ *16th & 17th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*	Năm 2025/ *Year 2025*		Cổ tức nhận được 495.232.496.000 *Dividends received*	
7.	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn *Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.*	Công ty con / *Subsidiary*	350081 1001	24/03/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ *3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết số 27A/2024/NQ-HĐQT ngày 06/12/2024 *Resolution No. 27A/2024/NQ-HĐQT dated 06/12/2024*	Cho vay 23.045.000.000 Loan granted Thu hồi khoản vay 23.045.000.000 Loan repayments received Lãi cho vay 734.598.834	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
						Ward, Ho Chi Minh City			Interest income on loans Mua cổ phần Purchase of shares 934.232.880.000	
8.	Công ty cổ phần Titan Hải Phòng *Titan Hai Phong JSC.*	Công ty con / *Subsidiary*	020228 0462	29/03/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ *Hai Phong City Department of Finance*	Số 01 Lô 3A - Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng/ *No. 01, Lot 3A – Cat Bi Airport Five-way Intersection New Urban Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 09/2025/NQ - HĐQT ngày 45734 *Resolution No. 09/2025/NQ - HĐQT dated 45734* Nghị quyết Số 18/2025/NQ-HĐQT ngày 21/04/2025 *Resolution No. 18/2025/NQ-HĐQT dated 21/04/2025*	Đi vay Borrowings 222.391.400.000 Trả tiền vay Loan repayments made 222.391.400.000 Lãi đi vay Interest expense on borrowings 5.294.743.195 Góp vốn Capital contribution 239.541.400.000	
9.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Hưng Yên) ("Titan	Bên liên quan của TV HĐQT	090112 9979	17/01/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	Lô CN1, KCN Yên Mỹ, Xã Tân Lập, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ *Lot CN1,*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 44/2025/NQ - HĐQT ngày 06/08/2025	Cho vay Loan granted 194.897.402.048	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
	Hưng Yên")/ *Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd. ("Titan Hung Yen")*	*Related party of Members of Board of Directors*			Hung Yen Department for Planning and Investment	*Yen My Industrial Park, Tan Lap Commune, Yen My District, Hung Yen Province*		*Resolution No. 44/2025/NQ - HĐQT dated 06/08/2025* Quyết định Số 44A/2025/QĐ - HĐQT ngày 06/08/2025 *Resolution No. 44A/2025/QĐ - HĐQT dated 06/08/2025*	Lãi cho vay 5.190.144.514 Interest income on loans	
10.	Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Quảng Ninh)/ *Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd)*	Bên liên quan của TV HĐQT *Related party of Members of Board of Directors*	570213 1443	30/09/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh/ Quang Ninh Department for Planning and Investment	Lô CN1, KCN Đông Mai, P. Đông Mai, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ *Lot CN-01, Dong Mai Industrial Park, Dong Mai Ward, Quang Yen Town, Quang Ninh Province, Vietnam*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 44/2025/NQ - HĐQT ngày 06/08/2025 *Resolution No. 44/2025/QĐ - HĐQT dated 06/08/2025* Quyết định Số 44A/2025/QĐ - HĐQT ngày 06/08/2025 *Resolution No. 44A/2025/QĐ - HĐQT dated 06/08/2025*	Cho vay 26.668.154.401 Loan granted Lãi cho vay 710.176.604 Interest income on loans	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
11.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1 Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co.,	Bên liên quan của TV HĐQT *Related party of Members of Board of Directors*	230122 6759	04/07/2023	Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh *Bac Ninh Department for Planning and Investment*	Lô đất CN4-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong II-C, xã Đông Tiến và Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh/ *Plot CN4-2, Yen Phong II-C Industrial Park, Dong Tien Commune and Tam Giang Commune, Yen Phong District, Bac Ninh Province*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 44/2025/NQ - HĐQT ngày 06/08/2025 *Resolution No. 44/2025/QĐ - HĐQT dated 06/08/2025* Quyết định Số 44A/2025/QĐ - HĐQT ngày 06/08/2025 *Resolution No. 44A/2025/QĐ - HĐQT dated 06/08/2025*	Cho vay / Loan granted: 121.394.209.160 Lãi cho vay / Interest income on loans: 3.232.744.420	
12.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh)/ *Titan Corporation Industrial 2 (Bac Ninh) Co., Ltd.*	Bên liên quan của TV HĐQT *Related party of Members of Board of Directors*	230123 2248	26/09/2024	Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh *Bac Ninh Department for Planning and Investment*	Lô đất CN1-2, Khu Công Nghiệp Yên Phong (khu mở rộng), Xã Yên Trung và Xã Dũng Liệt, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh/ *Lot CN1-2, Yen Phong Industrial Park (expansion area), Yen Trung Commune*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 44/2025/NQ - HĐQT ngày 06/08/2025 *Resolution No. 44/2025/QĐ - HĐQT dated 06/08/2025* Quyết định Số 44A/2025/QĐ - HĐQT ngày 06/08/2025	Cho vay / Loan granted: 267.648.146.591 Lãi cho vay / Interest income on loans: 7.127.506.808	

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *NSH No. date of issue, place of issue*			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
			Số Giấy NSH *NSH No.*	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*					
						and Dung Liet Commune, Yen Phong District, Bac Ninh Province		*Resolution No. 44A/2025/QĐ - HĐQT dated 06/08/2025*		
13.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh)/ *Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.*	Bên liên quan của TV HĐQT *Related party of Members of Board of Directors*	230131 2486	11/12/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh *Bac Ninh Department for Planning and Investment*	Lô đất CN4-1, Khu Công Nghiệp Thuận Thành I, Phường Trạm Lộ và, Phường Ninh Xá, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh/ *Lot CN4-1, Thuan Thanh I Industrial Park, Tram Lo and Ward, Ninh Xa Ward, Thuan Thanh Town, Bac Ninh Province*	Năm 2025/ *Year 2025*	Nghị quyết Số 44/2025/NQ - HĐQT ngày 06/08/2025 *Resolution No. 44/2025/QĐ - HĐQT dated 06/08/2025* Quyết định Số 44A/2025/QĐ - HĐQT ngày 06/08/2025 *Resolution No. 44A/2025/QĐ - HĐQT dated 06/08/2025*	Cho vay 142.857.728.448 Loan granted Lãi cho vay 3.677.457.864 Interest income on loans	

PHỤ LỤC 3.
APPENDIX 3
GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT
TRANSACTION BETWEEN INTERNAL PERSONS OF THE COMPANY, AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSONS AND THE COMPANY'S SUBSIDIARIES IN WHICH THE COMPANY TAKES CONTROLLING POWER

Stt *No.*	**Người thực hiện giao dịch** *Transaction executor*	**Quan hệ với người nội bộ** *Relationship with internal persons*	**Chức vụ tại CTNY** *Posittion at the listed Company*	**Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp** *ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue*	**Địa chỉ** *Address*	**Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát** *Name of subsidiaries or companies which the Company control*	**Thời điểm giao dịch** *Time of transaction*	**Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/** *Content, quantity, total value of transaction*	**Ghi chú** *Note*
1.	CTCP nước sạch Tây Hà Nội/ *Western Ha Noi Water JSC.*	Tổ chức có liên quan tới Kế toán trưởng/ *Organization related to the BOD Member*			Thôn Trại Chiêu, xã Sơn Đồng, TP. Hà Nội/ *Trai Chieu Hamlet, Son Dong Commune, Hanoi*	Công ty Cổ phần Nước sạch Sông Đà/ *Song Da Water Investment JSC.*	Năm 2025/ *Year 2025*	Mua hàng hóa và dịch vụ/ *Purchase of goods and services* 61.596.487.536	

2.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh)/ *Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.*	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT/ *Organization related to the Board of Directors Member*			Lô đất CN4-1, Khu công nghiệp Thuận Thành I, Phường Trạm Lộ và Phường Ninh Xá, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ *Lot CN4-1, Thuan Thanh I Industrial Park, Tram Lo Ward and Ninh Xa Ward, Bac Ninh Province, Vietnam*	Tổng công ty Viglacera - CTCP/ *Viglacera Corporation – JSC.*	Năm 2025/ *Year 2025*	Mua hàng hóa, dịch vụ/ *Purchase of goods and services* 143.518.597.234	

PHỤ LỤC 4.
APPENDIX 4

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRỞ LẠI ĐÂY (TÍNH TẠI THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO)

TRANSACTION BETWEEN THE COMPANY AND THE COMPANY THAT ITS MEMBERS OF EXECUTIVE BOARD, THE SUPERVISORY BOARD, DIRECTOR (GENERAL DIRECTOR) HAVE BEEN FOUNDING MEMBERS OR MEMBERS OF BOARD OF DIRECTORS, OR CEOS IN THREE (03) LASTEST YEARS (CALCULATED AT THE TIME OF REPORTING)

STT ***No.***	**Tên đơn vị** **Name of the Company**	**Mối quan hệ liên quan với công ty** ***Relationship with the Company***	**Nội dung giao dịch** ***Transaction Details***
1.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX ("GELEX Electric") *GELEX Electricity JSC. ("GELEX Electric")*	Công ty cùng tập đoàn – Tổ chức có liên quan tới Thành viên Ban kiểm soát *Affiliated company within the same group – an organization related to a Member of the Supervisory Board*	GELEX ELECTRIC cung cấp dịch vụ, cho vay, đi vay Hạ tầng GELEX/ *GELEX provides services, lends, and borrows for GELEX Infrastructure*
2.	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX ("GELEX") *GELEX Group Joint Stock Company ("GELEX")*	Công ty mẹ– Tổ chức có liên quan tới các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc tài chính *The parent company – an organization related to members of the Board of Directors, members of the Executive Board, and the Chief Financial Officer.*	GELEX cung cấp dịch vụ, cho vay, đi vay Hạ tầng GELEX/ *GELEX provides services, lends, and borrows for GELEX Infrastructure* Hạ tầng GELEX cầm cố cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ *GELEX Infrastructure pledges shares to secure GELEX's obligations*

STT *No.*	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Nội dung giao dịch *Transaction Details*
			GELEX cầm cố, thế chấp tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ Hạ tầng GELEX/ *GELEX pledges and mortgages assets to secure GELEX Infrastructure's obligations*
3.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1 *Titan Corporation Industrial (Bac Ninh) 1 Co., Ltd.*	Tổ chức có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị *Organization related to the Board of Directors Member*	GELEX Hạ Tầng cho vay *GELEX Infrastructure provides loans* GELEX Hạ Tầng bảo lãnh cho khoản vay *GELEX Infrastructure provides guarantees for loans*
4.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 2 (Bắc Ninh) *Titan Corporation Industrial 2 (Bac Ninh) Co., Ltd*	Tổ chức có liên quan tới thành viên Ban Tổng Giám đốc *Organization related to the Board of Managers Member*	GELEX Hạ Tầng cho vay *GELEX Infrastructure provides loans*
5.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan Corporation 3 (Bắc Ninh) *Titan Corporation Industrial 3 (Bac Ninh) Co., Ltd.*	Tổ chức có liên quan tới thành viên Ban Tổng Giám đốc *Organization related to the Board of Managers Member*	GELEX Hạ Tầng cho vay *GELEX Infrastructure provides loans*
6.	Công ty TNHH Công Nghiệp Titan (Hưng Yên) *Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Ltd.*	Tổ chức có liên quan tới thành viên Ban Tổng Giám đốc *Organization related to the Board of Managers Member*	GELEX Hạ Tầng cho vay *GELEX Infrastructure provides loans*

STT *No.*	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Nội dung giao dịch *Transaction Details*
7.	Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Quảng Ninh) *Titan Industrial (Quang Ninh) Corporation Ltd.*	Tổ chức có liên quan tới thành viên Ban Tổng Giám đốc *Organization related to the Board of Managers Member*	GELEX Hạ Tầng cho vay *GELEX Infrastructure provides loans*

(*) Trường hợp đối tượng giao dịch với Công ty cổ phần Hạ Tầng GELEX thuộc cả trường hợp phải kê khai theo Phụ lục 2 và Phụ lục 4 của Báo cáo này, thì sẽ được kê khai tại Phụ lục 2 và/hoặc Phụ lục 4 này.

(*) In cases where a counterparty transacting with GELEX Infrastructure Joint Stock Company falls under both categories required to be disclosed in Appendix 2 and Appendix 4 of this Report, such counterparty shall be disclosed in Appendix 2 and/or Appendix 4, as applicable

PHỤ LỤC 5.
APPENDIX 5
DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
1	**Lê Tuấn Anh** ***Le Tuan Anh***		**Chủ tịch HĐQT** ***Chairman of the Board of Directors***			**0**	**0**	
1.1.	Đỗ Ngọc Hà Trang *Do Ngoc Ha Trang*					0	0	Vợ *Wife*
1.2.	Lê Mạnh Quân *Le Manh Quan*					0	0	Con đẻ *Son*
1.3	Lê Đình Thương *Le Dinh Thuong*					0	0	Bố đẻ *Father*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
1.4	Nguyễn Thị Tâm *Nguyen Thi Tam*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
1.5	Đỗ Đức Hiếu *Do Duc Hieu*					0	0	Bố vợ *Father-in-law*
1.6	Nguyễn Thị Ngọc *Nguyen Thi Ngoc*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
1.7	Lê Minh Đông *Le Minh Dong*					0	0	Em trai *Younger brother*
1.8	Lê Minh Kiên *Le Minh Kien*					0	0	Em trai *Younger brother*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
1.9	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX *GELEX Group Joint Stock Company*	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668 006C333688 002C178630 116C512512		Số ĐKKD: 0100100512 *Business Registration Number: 0100100512* Ngày cấp: 01/08/2025 *Date of issue: 01/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi	624.900.000	79,10	Là Phó Tổng Giám đốc Công ty *Deputy Director General*
1.10	Công ty TNHH Titan Corporation *Titan Corporation Co., Ltd.*			Số ĐKKD: 317503404 *Business Registration Number: 317503404* Ngày cấp: 20/12/2024 *Date of issue: 20/12/2024*	Phòng 7-01 (A), Tầng 7, Tòa Nhà Văn Phòng Trung Tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ *Room 7-01 (A), 7th Floor, Hanoi Central Office Building, 44B Ly Thuong*	0	0	Là Thành viên HĐTV công ty *Member of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội/ , *by Hanoi Department of Planning and Investment*	*Kiet, Cua Nam Ward, Hanoi City*			
1.11	Công ty TNHH Đầu tư GELEX *GELEX Investment Co., Ltd.*			Số ĐKKD: 0111128855 *Business Registration Number: 0111128855* Ngày cấp: 16/07/2025 *Date of issue: 16/07/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ *8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam*	0	0	Là Chủ tịch HĐTV Công ty *Chairman of the Members' Council*
1.12	Công ty TNHH SAS-CTAMAD *SAS-CTAMAD Co., Ltd.*			Số ĐKKD: 0100112324 *Business Registration Number: 0100112324* Ngày cấp: 26/02/2020	Số 44B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Hà Nội/ *44B Ly Thuong Kiet street, Cua Nam Ward, Hanoi*	0	0	Ông Lê Tuấn Anh là thành viên HĐTV Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD/ *Mr. Le Tuan Anh is a member of the*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Date of issue: 26/02/2020 Nơi cấp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ *Ministry of Planning and Investment*				*Members' Council of S.A.S.-CTAMAD Co., Ltd.*
1.13	Công ty TNHH Felicitas *Felicitas Co., Ltd.*			Số ĐKKD: 0111192360 *Business Registration Number: 0111192360* Ngày cấp: 25/08/2025 *Date of issue: 25/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội *Place of issue: Hanoi Department of Finance*	Tầng 23, tòa nhà gelex, số 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội *23rd Floor, GELEX Building, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City*	0	0	Chủ tịch công ty *Chairman*
2	**Lương Thanh Tùng**		**Phó Chủ tịch HĐQT/ kiêm**			**5.675**	**0,00072**	

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Luong Thanh Tung		**Tổng Giám đốc** *Vice Chairman of the Board of Directors / cum General Director*					
2.1	Hoàng Thị Nhung *Hoang Thi Nhun*					0	0	Vợ *Wife*
2.2	Lương Huyền Trang *Luong Huyen Trang*					0	0	Con gái *Daughter*
2.3	Lương Hoàng Minh *Luong Hoang Minh*					0	0	Con trai *Son*
2.4	Lương Hoàng Diệp Linh					0	0	Con gái

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Luong Hoang Diep Linh							*Daughter*
2.5	Lương Tuấn Kiểm *Luong Tuan Kiem*					0	0	Bố đẻ *Father*
2.6	Diệp Thị Mão *Diep Thi Mao*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
2.7	Lương Hồng Nhung *Luong Hong Nhung*					0	0	Em gái *Younger sister*
2.8	Nguyễn Quang Phú *Nguyen Quang Phu*					0	0	Em rể *Brother-in-law*
2.9	Nguyễn Thị Thơm *Nguyen Thi Thom*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
2.10	Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn *Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.*			Số ĐKKD: 3500811001 *Business Registration Number: 3500811001* Ngày cấp: 24/03/2025 *Date of issue: 24/03/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ *3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City*	0	0	Là Chủ tịch HĐQT Công ty *Deputy Chairman of the BOD*
2.11	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX *GELEX group., JSC*	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668		Số ĐKKD: 0100100512 *Business Registration Number: 0100100512* *Ngày* cấp: 01/08/2025 *Date of issue: 01/08/2025*	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi*	0	0	Là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty *Deputy Chairman of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
		006C333688 002C178630 116C512512		Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*				
2.12	Tổng công ty Viglacera – CTCP **("VGC")** / *Viglacera Corporation – JSC*	058C386969		Số ĐKKD: 0100108173 *Business Registration Number: 0100108173* Ngày cấp: 07/10/2025 *Date of issue: 07/10/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ *16th & 17th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*	0	0	Ông Lương Thanh Tùng không còn là Phó TGĐ của Tổng công ty Viglacera – CTCP kể từ ngày 01/11/2025/ *Mr. Luong Thanh Tung is no longer Deputy General Director of Viglacera Corporation – JSC. from 01/11/2025*
3	**Nguyễn Hoàng Long** ***Nguyen Hoang Long***		**Phó Chủ tịch HĐQT**			**0**	**0**	

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
			Vice Chairman of the Board of Directors					
3.1	Phan Văn Cầu *Phan Van Cau*					0	0	Bố vợ *Father-in-law*
3.2	Nguyễn Thị Thu Hiền *Nguyen Thi Thu Hien*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
3.3	Phan Thị Vân Anh *Phan Thi Van Anh*					0	0	Vợ *Wife*
3.4	Nguyễn Khánh Chi *Nguyen Khanh Chi*					0	0	Con gái *Daughter*
3.5	Nguyễn Nam Phong					0	0	Con trai

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Nguyen Nam Phong							*Son*
3.6	Nguyễn Thị Hà *Nguyen Thi Ha*					0	0	Chị gái *Older sister*
3.7	Nguyễn Thị Thúy Hoa *Nguyen Thi Thuy Hoa*					0	0	Em gái *Younger sister*
3.8	Phạm Huy Toàn *Pham Huy Toan*					0	0	Anh rể *Brother-in-law*
3.9	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX *GELEX group ., JSC*	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998		Số ĐKKD: 0100100512 *Business Registration Number:* Ngày cấp: 01/08/2025 *Date of issue: 01/08/2025*	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi*	0	0	Là Phó Tổng Giám đốc Công ty *Deputy Director*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
		007C110668 006C333688 002C178630 116C512512		Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*				
3.10	Công ty TNHH FIH (Vietnam) *FIH (Vietnam) Co., Ltd*			Số ĐKKD: 0319116584 *Business Registration Number: 0319116584* Ngày cấp: 20/08/2025 *Date of issue: 20/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of* Finance	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ *No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*	0	0	Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc *Chairman of Members' Council cum Director General*
3.11	Công ty TNHH Đầu tư BEL Capital/ *BEL Capital Invest Co., Ltd.*			Số ĐKKD: 0109453569 *Business Registration Number: 0109453569*	52 Đường 3.8, KĐT Gamuda Gardens, phường Hoàng Mai, Hà Nội/ *No. 52, 3.8 Street, Gamuda*	0	0	Ông Nguyễn Hoàng Long là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đồng thời là Chủ tịch kiêm Giám đốc

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Ngày cấp: 12/11/2020 *Date of issue: 12/11/2020* Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ *Department of Planning and Investment of Hanoi City*	*Gardens Urban Area, Hoang Mai Ward, Hanoi*			Công ty/ *Mr. Nguyen Hoang Long is the 100% owner of the charter capital and concurrently serves as the Chairman and Director of BEL Capital Invest Co., Ltd.*
4	**Trần Mạnh Hữu** ***Tran Manh Huu***		**Thành viên HĐQT** ***Member of BOD***			**0**	**0**	
4.1	Nguyễn Thị Quế *Nguyen Thi Que*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
4.2	Trần Khang					0	0	Con trai

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Tran Khang							*Son*
4.3	Trần Kim Khánh *Tran Kim Khanh*					0	0	Con gái *Daughter*
4.3	Trần Xuân Lâm *Tran Xuan Lam*					0	0	Con trai *Son*
4.4	Trần Thị Hằng *Tran Thi Hang*					0	0	Em gái *Younger sister*
4.5	Tổng công ty Viglacera – CTCP ("VGC") / *Viglacera Corporation – JSC*	058C386969		Số ĐKKD: 0100108173 *Business Registration Number: 0100108173* Ngày cấp: 07/10/2025 *Date of issue: 07/10/2025*	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ *16th & 17th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*	0	0	Là Chủ tịch HĐQT Công ty *Chairman of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*				
5	**Phan Thị Hạnh Dung** ***Phan Thi Hanh Dung***		**Thành viên độc lập HĐQT** ***Independent Member of the BOD***			**0**	**0**	
5.1	Phan Văn Quý *Phan Van Quy*					0	0	Bố đẻ *Father*
5.2	Hồ Thị Thơ *Ho Thi Tho*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
5.3	Nguyễn Thị Phong *Nguyen Thi Phong*					0	0	Mẹ chồng *Mother-in-law*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
5.4	Trần Đức Hậu *Tran Duc Hau*					0	0	Bố chồng *Father-in-law*
5.5	Trần Phi Hoàng *Tran Phi Hoang*					0	0	Chồng *Husband*
5.6	Trần Duy Hưng *Tran Duy Hung*					0	0	Con trai *Son*
5.7	Trần Thủy Dương *Tran Thuy Duong*					0	0	Con trai *Son*
5.8	Phan Thị Anh Đào *Phan Thi Anh Dao*					0	0	Chị gái *Older sister*
5.9	Phan Đình Lai					0	0	Anh rể

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Phan Dinh Lai							*Brother-in-law*
5.10	Phan Thị Quỳnh Hoa *Phan Thi Quynh Hoa*					0	0	Chị gái *Older sister*
5.11	Phan Đình Trinh *Phan Dinh Trinh*					0	0	Anh rể *Brother-in-law*
5.12	Phan Hùng Sơn *Phan Hung Son*					0	0	Anh ruột *Older brother*
5.13	Trần Thanh Thủy *Tran Thanh Thuy*					0	0	Chị dâu *Sister-in-law*
5.14	Phan Quốc Anh *Phan Quoc Anh*					0	0	Em ruột *Younger brother*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period* *(%)*	Ghi chú *Note*
5.15	Phan Thị Hiền *Phan Thi Hien*					0	0	Em dâu *Sister-in-law*
5.16	Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng số Vikki *Hanoi Branch - Vikki Digital Bank Securities One Member Co., Ltd*			Số ĐKKD: 0302941973 *Business Registration Number:* Ngày cấp: 2/6/2025 *Date of issue: 2/6/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính thành phố Hà Nội *Place of issue: Hanoi Department of Finance*	181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đống Đa, TP Hà Nội *181 Nguyen Luong Bang, Dong Da Ward, Hanoi City*	0	0	Là Giám đốc Chi nhánh *Branch Director*
6	**Lê Bá Thọ** ***Le Ba Tho***		**Chủ tịch HĐQT**			0	0	**Miễn nhiệm ngày 07/10/2025** ***Dismissed on07/10/2025***

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
			Chairman of the Board of Directors					
6.1	Bùi Thị Tường Vy *Bui Thi Tuong Vy*					0	0	Vợ *Wife*
6.2	Lê Thị Vinh *Le Thi Vinh*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
6.3	Lê Bá Khang *Le Ba Khang*					0	0	Con đẻ *Son*
6.4	Lê Gia An *Le Gia An*					0	0	Con đẻ *Child*
6.5	Lê Bá Phúc					0	0	Con đẻ

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period* *(%)*	Ghi chú *Note*
	Le Ba Phuc							*Son*
6.6	Bùi Lợi *Bui Loi*					0	0	Bố vợ *Father-in-law*
6.7	Lê Thị Hoa *Le Thi Hoa*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
6.8	Lê Thị Dự *Le Thi Du*					0	0	Chị ruột *Older sister*
6.9	Lê Thị Dung *Le Thi Dung*					0	0	Em ruột *Younger sister*
6.10	Lê Thị Thu *Le Thi Thu*					0	0	Em ruột *Younger sister*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
6.11	Lê Thị Hồng *Le Thi Hong*					0	0	Em ruột *Younger sister*
6.12	Đỗ Đăng Hùng *Do Dang Hung*					0	0	Anh rể *Brother-in-law*
6.13	Nguyễn Bá Cường *Nguyen Ba Cuong*					0	0	Anh rể *Brother-in-law*
6.14	Bùi Văn Huy *Bui Van Huy*					0	0	Em rể *Brother-in-law*
6.15	CTCP dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) *Vietnam Electric Cable Corporation*			Số ĐKKD:0300381564, cấp ngày 20/08/2025, nơi cấp Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh/ *Business Registration No. 0300381564, issued on*	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/	0	0	Chủ tịch HĐQT Công ty *Chairman of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				20/08/2025, by Ho Chi Minh Department of Finance	*70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, HoChiMinh city, Vietnam*			
6.16	Tổng công ty Viglacera – CTCP **("VGC")** / *Viglacera Corporation – JSC.*	058C386969		Số ĐKKD: 0100108173 *Business Registration Number:* Ngày cấp: 07/10/2025 *Date of issue: 07/10/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ *16th & 17th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*	0	0	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*
6.17	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ *GELEX Electricity JSC.*	003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133		Số ĐKKD: 0107547109 *Business Registration Number:* Ngày cấp: 22/05/2025	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh*	0	0	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
		036C668888		*Date of issue: 22/05/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	*Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi*			
6.18	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX *GELEX group ., JSC*	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668 006C333688 002C178630 116C512512		Số ĐKKD: 0100100512 *Business Registration Number:* Ngày cấp: 01/08/2025 *Date of issue: 01/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trung, Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi*	0	0	Là Thành viên HĐQT Công ty *Member of the BOD*
6.19	Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn			Số ĐKKD: 3500811001	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến	0	0	Ông Lê Bá Thọ không còn là Chủ tịch HĐQT,

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period* *(%)*	Ghi chú *Note*
	Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.			*Business Registration Number:* Ngày cấp: 24/03/2025 *Date of issue: 24/03/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	Thành, TP. Hồ Chí Minh/ *3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City*			Thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn kể từ ngày 18/06/2025/ *Mr. Le Ba Tho is no longer the Chairman of the BOD, the Member of the BOD of Long Son Petroleum Industrial Park Investment JSC. from 18/06/2025*
7	**Lê Văn Thăng** ***Le Van Thang***		**Phó Tổng GĐ** ***Deputy General Director***			**0**	**0**	
7.1	Lê Huy Thảo					0	0	Bố đẻ

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Le Huy Thao							*Father*
7.2	Lê Thị Phú *Le Thi Phu*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
7.3	Nguyễn Văn Học *Nguyen Van Hoc*					0	0	Bố vợ *Father-in-law*
7.4	Nguyễn Thị Tình *Nguyen Thi Tinh*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
7.5	Nguyễn Thu Nga *Nguyen Thu Nga*					0	0	Vợ *Wife*
7.6	Lê Huy Phát *Le Huy Phat*					0	0	Con đẻ *Son*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
7.7	Lê Chí Hiền *Le Chi Hien*					0	0	Con đẻ *Son*
7.8	Lê Thị Khuyên *Le Thi Khuyen*					0	0	Em gái *Younger sister*
7.9	Đỗ Xuân Hà *Do Xuan Ha*					0	0	Em Rể *Brother-in-law*
7.10	Lê Thị Xuyên *Le Thi Xuyen*					0	0	Em gái *Younger sister*
7.11	Đỗ Văn Bình *Do Van Binh*					0	0	Em Rể *Brother-in-law*
7.12	Lê Huy Khôi					0	0	Em trai

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Le Huy Khoi							*Younger brother*
7.13	Đinh Thị Ánh *Dinh Thi Anh*					0	0	Em dâu *Sister-in-law*
7.14	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ *Song Da Water Investment JSC.*	021C228915		Số ĐKKD: 5400310164 *Business Registration Number: 5400310164* Ngày cấp: 14/08/2025 *Date of issue: 14/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ *Phu Tho Provincial Department of Finance*	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ *Vat Lai Hamlet, Thinh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam*	0	0	Là chủ tịch HĐQT Công ty *Chairman of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
8	**Tôn Mạnh Dũng** ***Ton Manh Dung***		**Phó Tổng Giám đốc**			**0**	**0**	
8.1	Tôn Quang Minh *Ton Quang Minh*					0	0	Con đẻ *Son*
8.2	Tôn Mạnh Hùng *Ton Manh Hung*					0	0	Anh trai *Older brother*
8.3	Tôn Thị Thu Hương *Ton Thi Thu Huong*					0	0	Chị gái *Older sister*
8.4	Nguyễn Hồng Ly *Nguyen Hong Ly*					0	0	Chị dâu *Sister-in-law*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
8.5	Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng/ *Titan Hai Phong JSC.*			Số ĐKKD: 0202280462 *Business Registration Number: 0202280462* Ngày cấp: 29/03/2025 *Date of issue: 29/03/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ *Hai Phong City Department of Finance*	Số 01 Lô 3A - Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng/ *No. 01, Lot 3A – Cat Bi Airport Five-way Intersection New Urban Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City*	0	0	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc *Chairman of the BOD cum Director General*
8.6	Công ty cổ phần Đầu tư Vihoce Tiên Dương/ *Vihoce Tien Duong Investment JSC*			Số ĐKKD: 0111154703 *Business Registration Number: 0111154703* Ngày cấp: 26/07/2025 *Date of issue: 26/07/2025*	Tầng 14, tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, Hà Nội/ *14th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*	0	0	Thành viên HĐQT *Member of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period* *(%)*	Ghi chú *Note*
				Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*				
8.7	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang/ *Kim Trang Materials Import–Export JSC.*			Số ĐKKD: 0202260360 *Business Registration Number: 0202260360* Ngày cấp: 25/08/2025 *Date of issue: 25/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ *Hai Phong City Department of Finance*	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hải An, TP. Hải Phòng/ *No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City*	0	0	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc *Chairman of the BOD cum Director General*
9	**Nguyễn Quang Việt** ***Nguyen Quang Viet***		**Phó Tổng Giám đốc** ***Deputy General Director***			**0**	**0**	

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
9.1	Tô Quế Phương *To Que Phuong*					0	0	Vợ *Wife*
9.2	Nguyễn Quang Minh *Nguyen Quang Minh*					0	0	Con ruột *Son*
9.3	Nguyễn Quang Đức *Nguyen Quang Duc*					0	0	Con ruột *Son*
9.4	Trần Thị Hạnh *Tran Thi Hanh*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
9.5	Nguyễn Anh Minh *Nguyen Anh Minh*					0	0	Em trai *Younger brother*
9.6	Tô Hoa Toàn					0	0	Bố vợ

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	To Hoa Toan							*Father-in-law*
9.6	Lê Bích Quế *Le Bich Que*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
9.7	Công ty Cổ Phần Thiết bị Mỹ Kim *My Kim Equipment Joint Stock Company*			Số ĐKKD: 0102670846 *Business Registration Number: 0102670846*	Tầng 1, tòa nhà 25A, ngõ 379/8 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Floor 1, Building 25A, Alley 379/8 Doi Can Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi City, Vietnam*	0	0	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*
9.8	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Nội thất KB			Số ĐKKD: 0101530620 *Business Registration Number: 0101530620*	Tầng 1, tòa nhà số 25A, ngõ 379/8, phố Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam	0	0	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	KB Interior Production and Construction Joint Stock Company				*Floor 1, Building 25A, Alley 379/8 Doi Can Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi City, Vietnam*			
9.9	Công ty Cổ phần Viglacera Hưng Yên/ *Viglacera Hung Yen JSC*			Số ĐKKD: 0901129785 *Business Registration Number: 0901129785* Ngày cấp: 17/11/2025 *Date of issue:* 17/11/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ *Hung Yen Provincial Department of Finance*	ĐH KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên/ *Yen My Industrial, Yen My Commune, Hung Yen Province*	0	0	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*
10	**Đào Văn Duy** ***Dao Van Duy***		**Phó Tổng Giám đốc** ***Deputy General Director***			**0**	**0**	

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
10.1	Vũ Thị Lan Hương *Vu Thi Lan Huong*					0	0	Vợ *Wife*
10.2	Đào Duy Hưng *Dao Duy Hung*					0	0	Con *Son*
10.3	Đào Văn Uy *Dao Van Uy*					0	0	Bố đẻ *Father*
10.4	Trần Thị Thập *Tran Thi Thap*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
10.5	Vũ Mạnh Trưởng *Vu Manh Truong*					0	0	Bố vợ *Father-in-law*
10.6	Phạm Thị Lý					0	0	Mẹ vợ

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Pham Thi Ly							*Mother-in-law*
10.7	Công ty TNHH Acteam International *Acteam International Co., Ltd*			Số ĐKKD: 5800523209 *Business Registration Number: 5800523209* Ngày cấp: 10/01/2022 *Date of issue: 10/01/2022* Nơi cấp: Sở kế hoạch đầu tư tỉnh lâm đồng *Place of issue: Lam Dong Department of Planning and Investment*		0	0	Tổng Giám đốc *Director General*
10.8	Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam *Vietnam Infrastructure Investment & Development JSC.*			Số ĐKKD: 0102799293 *Business Registration Number: 0102799293* Ngày cấp: 13/01/2026	Số 147, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	0	Thành viên HĐQT *Member of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Date of issue: 13/01/2026 Nơi cấp: Sở Tài chính thành phố Hà Nội *Place of issue: Hanoi Department of Finance*	*No. 147, Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi City, Vietnam*			
11	**Nguyễn Đức Luyện** ***Nguyen Duc Luyen***		**Phó Tổng Giám đốc** ***Deputy General Director***			**0**	**0**	**Miễn nhiệm ngày 09/10/2025** ***Dismisssed on 09/10/2025***
11.1	Hoàng Cẩm Tú *Hoang Cam Tu*					0	0	Vợ *Wife*
11.2	Nguyễn Hà Thu *Nguyen Ha Thu*					0	0	Con gái *Daughter*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
11.3	Nguyễn Hà An *Nguyen Ha An*					0	0	Con gái *Daughter*
11.4	Nguyễn Văn Luận *Nguyen Van Luan*					0	0	Bố đẻ *Father*
11.5	Nguyễn Thị Nhật *Nguyen Thi Nhat*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
11.6	Nguyễn Đức Nam *Nguyen Duc Nam*					0	0	Em ruột *Younger brother*
11.7	Bùi Thị Xa *Bui Thi Xa*					0	0	Em dâu *Sister-in-law*
11.8	Nguyễn Đức Ninh					0	0	Em ruột

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Nguyen Duc Ninh							*Younger brother*
11.9	Nguyễn Thị Minh Hà *Nguyen Thi Minh Ha*					0	0	Em dâu *Sister-in-law*
11.10	Hoàng Minh Đức *Hoang Minh Duc*					0	0	Bố vợ *Father-in-law*
11.11	Đỗ Thị Toan *Do Thi Toan*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
11.12	Hoàng Thị Mai *Hoang Thi Mai*					0	0	Em vợ *Sister-in-law*
11.13	Tổng công ty Viglacera – CTCP **("VGC")** /	058C386969		Số ĐKKD: 0100108173 *Business Registration Number: 0100108173*	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/	0	0	Phó tổng giám đốc công ty

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Viglacera Corporation – JSC.			Ngày cấp: 07/10/2025 *Date of issue: 07/10/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	*16th & 17th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*			*Deputy Director General*
12	**Bùi Lê Cao Kế** ***Bui Le Cao Ke***		**Phó Tổng Giám đốc** ***Deputy General Director***			**5.675**	**0,00072**	**Miễn nhiệm 9/10/2025** **Dismission on 9/10/2025**
12.1	Hoàng Thị Việt Hà *Hoang Thi Viet Ha*					0	0	Vợ *Wife*
12.2	Bùi Lê Phương Hoa *Bui Le Phuong Hoa*					0	0	Con gái *Daughter*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
12.3	Bùi Lê Hồng Đức *Bui Le Hong Duc*					0	0	Con trai *Son*
12.4	Bùi Lê Tố *Bui Le To*					0	0	Bố đẻ *Father*
12.5	Hoàng Văn Thắng *Hoang Van Thang*					0	0	Bố vợ *Father-in-law*
12.6	Lê Thị Liên *Le Thi Lien*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
12.7	Bùi Lê Khoa *Bui Le Khoa*					0	0	Em trai *Younger brother*
12.8	Nguyễn Thị Thu Trang					0	0	Em dâu

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Nguyen Thi Thu Trang							*Sister-in-law*
12.9	Bùi Thị Thu Thủy *Bui Thi Thu Thuy*					0	0	Em gái *Younger sister*
12.10	Nguyễn Văn Thanh *Nguyen Van Thanh*					0	0	Em rể *Brother-in-law*
12.11	Tổng công ty Viglacera – CTCP ("VGC") / *Viglacera Corporation – JSC.*	058C386969		Số ĐKKD: 0100108173 *Business Registration Number: 0100108173* Ngày cấp: 07/10/2025 *Date of issue: 07/10/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ *16th & 17th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi*	0	0	Phó tổng giám đốc công ty *Deputy Director General*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
13	**Lê Việt Hà** *Le Viet Ha*		**Trưởng Ban kiểm soát** *Head of the Supervisory Board*			**0**	**0**	
13.1	Trần Quang Hưng *Tran Quang Hung*					0	0	Em rể *Brother-in-law*
13.2	Lê Bích Ngọc *Le Bich Ngoc*					0	0	Em gái *Younger sister*
13.3	Lê Thu Hằng *Le Thu Hang*					0	0	Chị gái *Older sister*
13.4	Phạm Toàn Thắng *Pham Toan Thang*					0	0	Anh rể *Brother-in-law*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
13.5	Phạm Thị Mùi *Pham Thi Mui*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
13.6	Phan Ngọc Anh *Phan Ngoc Anh*					0	0	Chồng *Husband*
13.7	Phan Lê Anh Khôi *Phan Le Anh Khoi*					0	0	Con *Son*
13.8	Phan Lê An Nhiên *Phan Le An Nhien*					0	0	Con *Daughter*
13.9	Phan Văn Mỹ *Phan Van My*					0	0	Bố chồng *Father-in-law*
13.10	Trần Thị Phú					0	0	Mẹ chồng

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Tran Thi Phu							*Mother-in-law*
13.11	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ *GELEX Electricity JSC.*	003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133 036C668888		Số ĐKKD: 0107547109 *Business Registration Number: 0107547109* Ngày cấp: 22/05/2025 *Date of issue: 22/05/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi*	0	0	Phó Tổng Giám đốc Công ty *Deputy Director General*
14	**Lê Anh Đức** ***Le Anh Duc***		**Thành viên ban kiểm soát** ***Member of the Supervisory Board***			**0**	**0**	
14.1	Lê Văn Phúc					0	0	Bố đẻ

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Le Van Phuc							*Father*
14.2	Nguyễn Thúy Nga *Nguyen Thuy Nga*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
14.3	Lê Minh Anh *Le Minh Anh*					0	0	Em gái *Younger sister*
14.4	Lê Minh Phương *Le Minh Phuong*					0	0	Vợ *Wife*
14.5	Lê Văn Ngọc *Le Van Ngoc*					0	0	Bố vợ *Father-in-law*
14.6	Nguyễn Thị Kim Liên *Nguyen Thi Kim Lien*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
14.7	Lê Bảo Hân *Le Bao Han*					0	0	Con *Daughter*
14.8	Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn *Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.*			Số ĐKKD: 3500811001 *Business Registration Number: 3500811001* Ngày cấp: 24/03/2025 *Date of issue: 24/03/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ *3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City*	0	0	Trưởng Ban Kiểm soát
14.9	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ/ *Phu Thanh My JSC.*			Số ĐKKD: 4000455251 *Business Registration Number: 4000455251* Ngày cấp: 29/05/2024	Tổ 9, Tổ dân phố Thạnh Mỹ 2, Xã Thạnh Mỹ, TP. Đà Nẵng/ *Group 9, Thanh My 2 Residential Area, Thanh My Commune, Da Nang City*	0	0	Trưởng Ban Kiểm soát *Head of the Supervisory Board*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Date of issue: 29/05/2024 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Nam/ *Department of Planning and Investment of Quang Nam Province*				
15	**Nguyễn Thị Ngọc Huyền** ***Nguyen Thi Ngoc Huyen***		**Thành viên ban kiểm soát** ***Member of the Supervisory Board***			**0**	**0**	
15.1	Nguyễn Xuân Hiệp *Nguyen Xuan Hiep*					0	0	Bố đẻ *Father*
15.2	Nguyễn Thị Ngọc Hường *Nguyen Thi Ngoc Huong*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
15.3	Nguyễn Xuân Huy *Nguyen Xuan Huy*					0	0	Em trai *Younger brother*
15.4	Lê Thúy An *Le Thuy An*					0	0	Em dâu *Sister-in-law*
15.5	Công ty Cổ phần Thiết bị điện *Electrical Equipment Joint Stock Company*			Số ĐKKD: 3600253826 *Business Registration Number: 3600253826* Ngày cấp 04/01/2024, Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ *Business Registration No. 3600253826, issued on 04/01/2024, by Dong Nai Department of Planning and Investment*	KCN Biên Hoà 1-Đường số 9-Phường Trấn Biên-Tỉnh Đồng Nai-Việt Nam/ *Bien Hoa 1 Industrial Zone, 9th Street, Tran Bien Ward, Dong Nai, Vietnam*	0	0	Trưởng Ban kiểm soát *Head of the Supervisory Board*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
15.6	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX *GELEX group JSC*	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668 006C333688 002C178630 116C512512		Số ĐKKD: 0100100512 *Business Registration Number: 0100100512* Ngày cấp: 01/08/2025 *Date of issue: 01/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trung, Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi*	0	0	Phó Phòng kiểm toán tài chính công ty *Deputy Head of the Financial Audit Department*
16	**Nguyễn Ngọc Huyền** *Nguyen Ngoc Huyen*		**Thành viên BKS** *Member of the Supervisory Board*			**0**	**0**	
16.1	Nguyễn Văn Hòa					0	0	Cha đẻ

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Nguyen Van Hoa						-	*Father*
16.2	Bùi Thị Thanh Vân *Bui Thi Thanh Van*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
16.3	Nguyễn Ngọc Thảo Anh *Nguyen Ngoc Thao Anh*					0	0	Em gái *Younger sister*
16.4	Công ty cổ phần Thiết bị đo điện (Emic) *Emic electrical measuring instrument Joint stock company*			Số ĐKKD: 0108453005 *Business Registration Number: 0108453005* Ngày cấp 03/01/2025, Nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ *Business Registration No. 0108453005, issued on 03/01/2025, by Hanoi Department of Planning and Investment*	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam/ *No. 52, Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam*	0	0	Trưởng Ban kiểm soát *Head of the Supervisory Board*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
16.5	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX Hưng Yên/ *GELEX Hung Yen Electricity Trading JSC.*			Số ĐKKD: 0110199765 *Business Registration Number: 0110199765* Ngày cấp: 17/01/2025 *Date of issue: 17/01/2025* Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ *Department of Planning and Investment of Hanoi City*	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi*	0	0	Thành viên BKS *Member of the Supervisory Board*
16.6	Công ty cổ phần Mua bán điện Gelex *Gelex electricity trading Joint stock company*			Số ĐKKD: 0109975082 *Business Registration Number: 0109975082* Ngày cấp 18/01/2024 Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ *Business Registration No. 0109975082, issued on 22/04/2022, by Hanoi*	Số 52 phố Lê Đại Hành. phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi*	0	0	Thành viên BKS *Member of the Supervisory Board*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Department of Planning and Investment				
17	**Nguyễn Thị Hoàng Ngân** *Nguyen Thi Hoang Ngan*		**Kế toán trưởng** *Chief Accountant*			**0**	**0**	
17.1	Dương Duy Sơn *Duong Duy Son*					0	0	Chồng *Husband*
17.2	Nguyễn Văn Nhiệm *Nguyen Van Nhiem*					0	0	Bố đẻ *Father*
17.3	Dương Thiết Xây *Duong Thiet Xay*					0	0	Bố chồng *Father-in-law*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
17.4	Ngô Thị Lệ *Ngo Thi Le*					0	0	Mẹ chồng *Mother-in-law*
17.5	Dương Hà Linh *Duong Ha Linh*					0	0	Con gái *Daughter*
17.6	Dương Đức Huy *Duong Duc Huy*					0	0	Con trai *Son*
17.7	Dương Minh Quân *Duong Minh Quan*					0	0	Con trai *Son*
17.8	Nguyễn Thị Hoàng Hà *Nguyen Thi Hoang Ha*					0	0	Em gái *Younger sister*
17.9	Hoàng Nam Anh					0	0	Em rể

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Hoang Nam Anh							*Brother-in-law*
17.10	Công ty cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội *Tay Ha Noi Clean Water Joint Stock Company*			Số ĐKKD: 0106913627 *Business Registration Number: 0106913627* Ngày cấp: 08/10/2025 *Date of issue: 08/10/2025* Nơi cấp: Phòng ĐKKD và TCDN – Sở Tài chính thành phố Hà Nội	Thôn Trại Chiêu, Xã Sơn Đồng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Trai Chieu Hamlet, Son Dong Commune, Hanoi City, Vietnam*	0	0	Trưởng Ban kiểm soát *Head of the Supervisory Board*
17.12	Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng/ *Titan Hai Phong JSC.*			Số ĐKKD: 0202280462 *Business Registration Number: 0202280462* Ngày cấp: 29/03/2025 *Date of issue: 29/03/2025*	Số 01 Lô 3A - Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng/ *No. 01, Lot 3A – Cat Bi Airport Five-way Intersection New Urban*	0	0	TV HĐQT Công ty

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ *Hai Phong City Department of Finance*	*Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City*			
18	**Bùi Đăng Khoa** ***Bui Dang Khoa***		**Giám đốc tài chính, người được Uỷ quyền công bố thông tin** ***Chief Financial Officer; Authorized Information Disclosure Officer***			**0**	**0**	
18.1	Bùi Hồng Khanh *Bui Hong Khanh*					0	0	Bố đẻ *Father*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
18.2	Phạm Thị Lợi *Pham Thi Loi*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
18.3	Đoàn Thị Hoài Thu *Doan Thi Hoai Thu*					0	0	Vợ *Wife*
18.4	Bùi Doãn Bảo Phong *Bui Doan Bao Phong*					0	0	Con đẻ *Son*
18.5	Bùi Doãn Hoàng Bách *Bui Doan Hoang Bach*					0	0	Con đẻ *Son*
18.6	Bùi Ngọc Nghi *Bui Ngoc Nghi*					0	0	Em gái *Younger sister*
18.7	Vũ Văn Luân					0	0	Em rể

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Vu Van Luan							*Brother-in-law*
18.8	Vũ Thị Hải Yến *Vu Thi Hai Yen*					0	0	Mẹ Vợ *Mother-in-law*
18.9	Đoàn Mạnh Cường *Doan Manh Cuong*					0	0	Bố vợ *Father-in-law*
18.10	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX *GELEX group JSC*	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668 006C333688 002C178630		Số ĐKKD: 0100100512 *Business Registration Number: 0100100512* Ngày cấp: 01/08/2025 *Date of issue: 01/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội/ *No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi*	0	0	Giám đốc Ban Tài chính – Kế toán *Director of the Finance and Accounting Department*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
		116C512512						
18.11	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ *Song Da Water Investment JSC.*	021C228915		Số ĐKKD: 5400310164 *Business Registration Number: 5400310164* Ngày cấp: 14/08/2025 *Date of issue: 14/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ *Phu Tho Provincial Department of Finance*	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ *Vat Lai Hamlet, Thinh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam*	0	0	Thành viên HĐQT *Member of the BOD*
18.12	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ Hanoi Electromechanical Manufacturing JSC. (HEM)			Số ĐKKD: 0100100456 *Business Registration Number: 0100100456* Ngày cấp 06/05/2025, Nơi cấp Sở Tài chính Hà Nội / *Business*	Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội/ *Km12, Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi city, Vietnam*	0	0	Thành viên HĐQT *Member of the BOD*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Registration No. 0100100456, issued on 06/05/2025, by Hanoi Department of Finance				
18.13	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ *GELEX Investment Co., Ltd.*			Số ĐKKD: 0111128855 *Business Registration Number: 0111128855* Ngày cấp: 16/07/2025 *Date of issue: 16/07/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ *Hanoi Department of Finance*	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ *8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam*	0	0	Tổng Giám đốc *Director General*
18.14	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ *CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd*			Số ĐKKD: 3603058326 *Business Registration Number: 3603058326*	Đường số 1, KCN Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai/ *Street No. 1, Long Thanh Industrial*	0	0	Ông Bùi Đăng Khoa là Thành viên HĐTV Công ty TNHH

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
				Ngày cấp: 28/10/2025 *Date of issue: 28/10/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ *Dong Nai Provincial Department of Finance*	*Park, An Phuoc Commune, Dong Nai Province*			MTV CADIVI Đồng Nai/ *Mr. Bui Dang Khoa is a member of the Members' Council of CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd.*
18.15	Công ty TNHH G&F Residence/ *G&F Residence Co., Ltd.*			Số ĐKKD: 0319127272 *Business Registration Number: 0319127272* Ngày cấp: 25/08/2025 *Date of issue: 25/08/2025* Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Department of Finance*	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ *70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*	0	0	Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc *Chairman of the Members' Council cum Director General*

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
19	**Lưu Tiến Mạnh** ***Luu Tien Manh***		**Người phụ trách quản trị Công ty** ***Person in charge of Corporate Governance***			**0**	**0**	
19.1	Đào Thị Hải Hà *Dao Thi Hai Ha*					0	0	Vợ *Wife*
19.2	Lưu Văn Quảng *Luu Van Quang*					0	0	Bố đẻ *Father*
19.3	Nguyễn Thị Hường *Nguyen Thi Huong*					0	0	Mẹ đẻ *Mother*
19.4	Đào Nguyên Hiệp					0	0	Bố vợ

Stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period (%)*	Ghi chú *Note*
	Dao Nguyen Hiep							*Father-in-law*
19.5	Nguyễn Thị Hoan *Nguyen Thi Hoan*					0	0	Mẹ vợ *Mother-in-law*
19.6	Lưu Thị Thu Hằng *Luu Thi Thu Hang*					0	0	Chị gái *Older sister*
19.7	Nguyễn Văn Cường *Nguyen Van Cuong*					0	0	Anh rể *Brother-in-law*
19.8	Lưu Nguyễn Bảo Anh *Luu Nguyen Bao Anh*					0	0	Em gái *Younger sister*

PHỤ LỤC 6.
APPENDIX 6
GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY
TRANSACTION OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS WITH SHARES OF THE COMPANY

Stt No.	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons*	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *Number of shares owned at the beginning of the period*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) *Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)*
			Số cổ phiếu Number of shares	*Tỷ lệ (%) Percentage (%)*	Số cổ phiếu *Number of shares*	Tỷ lệ (%) *Percentage (%)*	
1.	Công ty cổ phần Tập Đoàn GELEX *GELEX group JSC*	Công ty mẹ *Parent company*	652.900.000	82,64	624.900.000	79,10	Bán/chuyển nhượng *Sale/transfer*
2.	Công ty cổ phần Điện lực GELEX *GELEX Electric JSC*	Công ty cùng tập đoàn *Affiliate*	111.088.650	14,06	0	0	Bán/chuyển nhượng *Sale/transfer*